**BỒI DƯỠNG NỘI DUNG 1:**

**A. Nội dung bồi dưỡng:**

Nghiên cứu, học tập, quán triệt các văn bản Nghị quyết ,đường lối chính sách của Đảng ,Nhà nước cũng như các chỉ thị của Nghành về công tác dạy và học.

1- Chỉ thị nhiệm vụ năm học 2019-2020 của Bộ GD-ĐT.

2- Quyết định 1880/QĐ-UBND năm 2014 phê duyệt Quy hoạch phát triển sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Bình đến năm 2020

3-NQ số 04/ TU ngày 08 tháng 03 năm 2016 về phát triển GD-ĐT thành phố Đồng Hới giai đoạn 2016-2020

**B. Thời gian bồi dưỡng:** Tháng 9 năm 2019

**I. CT số 2268/CT- BGDĐT về nhiệm vụ và giải pháp năm học 2019-2020 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT,**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. Các nhóm nhiệm vụ chủ yếu**  **1. Rà soát, quy hoạch, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo trong cả nước**  1.1. Thực hiện rà soát, dự báo quy mô phát triển giáo dục; đề xuất quy hoạch và bố trí quỹ đất để xây dựng trường, lớp mầm non, phổ thông; xây dựng cơ chế, chính sách phát triển các lớp, nhóm lớp trẻ, mẫu giáo độc lập tư thục và trường mầm non ở các địa bàn có khu công nghiệp.  1.2. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện dồn dịch các điểm trường lẻ, sáp nhập các cơ sở giáo dục có quy mô nhỏ tại địa phương; thực hiện sắp xếp lại mạng lưới trường, lớp theo nguyên tắc tạo thuận lợi, bảo đảm quyền lợi học tập của học sinh, nâng cao chất lượng giáo dục; hướng dẫn thực hiện sắp xếp cơ sở giáo dục thường xuyên theo các quy định hiện hành.  1.3. Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch xây dựng quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học và đào tạo sư phạm giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045; tổ chức thực hiện Đề án sáp nhập, hợp nhất hoặc giải thể các cơ sở giáo dục đại học công lập và Đề án sắp xếp, tổ chức lại các trường sư phạm sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành.  **2. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp**  2.1. Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo; Chỉ thị số 138/CT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc chấn chỉnh tình trạng lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong nhà trường nhằm giảm áp lực cho giáo viên; khắc phục tình trạng dạy thêm trái quy định.  2.2. Rà soát, sắp xếp đội ngũ giáo viên bảo đảm quy định về định mức số lượng, chuẩn giáo viên đối với các cấp học; không để xảy ra tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ, bảo đảm nguyên tắc ở “đâu có học sinh thì ở đó phải có giáo viên”; xử lý dứt điểm việc hợp đồng giáo viên nhiều năm mà không thực hiện tuyển dụng viên chức tại một số địa phương.  2.3. Các địa phương chủ động đặt hàng các trường sư phạm trong việc đào tạo, bồi dưỡng giáo viên cho địa phương, gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng. Thực hiện bồi dưỡng giáo viên, nhất là giáo viên lớp 1 và cán bộ quản lý giáo dục phục vụ cho việc triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên, giảng viên, hiệu trưởng các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và cán bộ quản lý giáo dục các cấp.  2.4. Nâng cao đạo đức nhà giáo, tăng cường chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các quy định về đạo đức nhà giáo. Kiên quyết xử lý nghiêm giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục vi phạm đạo đức nhà giáo (không bố trí đứng lớp đối với giáo viên vi phạm đạo đức nhà giáo).  2.5. Thực hiện tốt các chế độ, chính sách cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập theo thẩm quyền.  2.6. Thực hiện tốt công tác đánh giá giáo viên bảo đảm thực chất, gắn với thi đua, khen thưởng nhằm nâng cao đời sống, tạo động lực cho đội ngũ nhà giáo chuyên tâm với nghề.  **3. Nâng cao chất lượng giáo dục, triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới; đẩy mạnh định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; đổi mới quản lý và nâng cao hiệu quả của giáo dục thường xuyên; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất cho học sinh, sinh viên, bảo đảm an toàn trường học; nâng cao hiệu quả giáo dục dân tộc**  3.1. Tăng cường các điều kiện bảo đảm an toàn cho trẻ, không để xảy ra tình trạng bạo hành trẻ; huy động các nguồn lực để duy trì, nâng cao tỷ lệ trẻ ăn bán trú; bảo đảm an toàn thực phẩm; quản lý chặt chẽ chất lượng bữa ăn của trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non; tiếp tục chỉ đạo các cơ sở giáo dục mầm non thực hiện có hiệu quả chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”, phát triển chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với văn hóa, điều kiện địa phương, nhà trường, khả năng và nhu cầu của trẻ; tăng cường phối hợp, hướng dẫn cha mẹ chăm sóc giáo dục trẻ.  3.2. Tổ chức thẩm định và phê duyệt sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo chương trình giáo dục phổ thông mới, trước hết là sách giáo khoa lớp 1, lớp 2 và lớp 6; tổ chức tập huấn giáo viên, cán bộ quản lý sử dụng sách giáo khoa lớp 1, lớp 2 và lớp 6; chỉ đạo các địa phương biên soạn, thẩm định và tổ chức thực hiện nội dung giáo dục địa phương trong chương trình giáo dục phổ thông mới; ban hành Thông tư quy định lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông để các địa phương tổ chức việc lựa chọn sách giáo khoa phù hợp với kế hoạch giáo dục và điều kiện thực tiễn, bảo đảm công khai, minh bạch.  3.3. Thực hiện tốt chủ trương giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, hướng dẫn các địa phương thực hiện có hiệu quả Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông. Triển khai hiệu quả các giải pháp của Đề án hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp nhằm khơi dậy tinh thần khởi nghiệp cho học sinh ngay từ cấp học phổ thông.  3.4. Tăng cường đổi mới quản lý nhà nước trong tổ chức hoạt động dạy và học tại các trung tâm giáo dục thường xuyên sau khi sáp nhập; hướng dẫn việc triển khai Kết luận số 49-KL/TW ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; đẩy mạnh việc học tập của người lớn.  3.5. Tăng cường hiệu quả công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên; chú trọng xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn cho học sinh trong quá trình đưa đón, thăm quan, dã ngoại; triển khai thực hiện bộ quy tắc ứng xử trong trường học, các giải pháp phòng, chống bạo lực học đường; xây dựng cơ chế phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội trong giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh. **Thực hiện 5 điều Bác Hồ dạy gắn với các hoạt động giáo dục bảo đảm thiết thực, hiệu quả. Phát huy hiệu quả các hoạt động Đoàn, Hội, Đội trong trường học.**Thực hiện tốt chương trình giáo dục thể chất, đẩy mạnh các hoạt động tập luyện thể dục thể thao, công tác y tế trường học; phát động phong trào học bơi và hướng dẫn phòng, chống đuối nước cho học sinh, sinh viên.  3.6. Tiếp tục đổi mới và tăng cường công tác quản lý giáo dục dân tộc; tập trung nâng cao chất lượng và rà soát, đánh giá thực trạng phát triển của hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học, các cơ sở giáo dục vùng dân tộc thiểu số, miền núi để có phương án quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động.  **4. Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh ở các cấp học và trình độ đào tạo**  4.1. Khuyến khích triển khai cho trẻ mẫu giáo làm quen với ngoại ngữ (tiếng Anh) và triển khai dạy tiếng Anh tự chọn cho học sinh lớp 1, lớp 2 ở các địa phương có đủ điều kiện thực hiện và gia đình, người học có nhu cầu; khuyến khích triển khai chương trình môn tiếng Anh hệ 10 năm; tiếp tục hoàn thiện, xây dựng chương trình ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra của các ngành, nghề đào tạo.  4.2. Phát triển, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, giảng viên ngoại ngữ, đặc biệt là đội ngũ giáo viên phổ thông đáp ứng yêu cầu và tiến độ triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới và dạy các môn học khác bằng ngoại ngữ; nâng cao trình độ ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh của giảng viên và lãnh đạo cơ sở giáo dục đại học; khuyến khích sử dụng tiếng Anh trong các cơ sở giáo dục đại học.  4.3. Tiếp tục đổi mới hình thức, phương pháp thi, kiểm tra, đánh giá năng lực ngoại ngữ của học sinh, sinh viên theo chuẩn đầu ra và trong quá trình giáo dục và đào tạo; xây dựng các định dạng đề thi theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, ưu tiên các định dạng hỗ trợ thi trên máy tính và thi trực tuyến; phát triển ngân hàng đề thi ngoại ngữ quốc gia. Tăng cường rà soát, chỉ đạo, hướng dẫn công tác tổ chức thi và cấp chứng chỉ ngoại ngữ quốc gia bảo đảm minh bạch, khách quan, chính xác.  4.4. Tăng cường các điều kiện dạy và học ngoại ngữ theo hướng ứng dụng triệt để công nghệ thông tin; đầu tư có trọng điểm hệ thống hỗ trợ dạy và học ngoại ngữ trực tuyến đáp ứng mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và người học.  4.5. Phát động phong trào học tiếng Anh trên cả nước cho các nhóm đối tượng người học, trước hết là phong trào “giáo viên và học sinh cùng học tiếng Anh”; xây dựng và phát triển môi trường học và sử dụng ngoại ngữ ở các cấp học và trình độ đào tạo; tăng cường hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc dạy và học ngoại ngữ theo lộ trình thực hiện các mục tiêu Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017 - 2025.  **5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục**  5.1. Triển khai có hiệu quả Nghị quyết 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025; Đề án 117/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo; xây dựng và triển khai Chính phủ điện tử, hệ thống dịch vụ công trực tuyến, hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến của Bộ Giáo dục và Đào tạo.   5.2. Xây dựng và đưa vào khai thác cơ sở dữ liệu trực tuyến về giáo dục đại học; hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông; tích hợp các hệ thống thông tin quản lý ngành hiện có vào cơ sở dữ liệu ngành; xây dựng và triển khai các phần mềm quản lý, kết nối liên thông dữ liệu với phần mềm cơ sở dữ liệu ngành.  5.3. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, kiểm tra, đánh giá và quản lý giáo dục, quản trị nhà trường; thực hiện giải pháp tuyển sinh trực tuyến đầu cấp học và sử dụng hồ sơ điện tử (sổ điểm, học bạ, sổ liên lạc); triển khai mô hình giáo dục điện tử, lớp học thông minh ở những nơi có điều kiện.  5.4. Tiếp tục xây dựng và đưa vào sử dụng hiệu quả kho học liệu số, học liệu điện tử toàn ngành, ngân hàng câu hỏi trực tuyến dùng chung, kho bài giảng e-learning kết nối với Hệ tri thức Việt số hóa; triển khai giải pháp dạy học kết hợp (blended learning), nâng cao chất lượng đào tạo công nghệ thông tin trong giáo dục đại học; bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo.    **6. Đẩy mạnh phân cấp và thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục**  6.1. Đẩy mạnh việc phân cấp và thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục theo quy định. Tăng cường kiểm tra, thanh tra công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và đạo tạo.  6.2. Trình Thủ tướng Chính phủ thực hiện thí điểm tự chủ ở cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông; tổng kết, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và trình Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông.  6.3. Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành và ban hành theo thẩm quyền văn bản hướng dẫn Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, trong đó quy định rõ về việc tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học, vai trò, trách nhiệm của Hội đồng trường, trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục đại học.  6.4. Rà soát, hướng dẫn thành lập, kiện toàn và giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động của Hội đồng trường trong các cơ sở giáo dục đại học.  **7. Hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo**  7.1. Xây dựng và tổ chức triển khai Chiến lược hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo của Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 tầm nhìn 2045. Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục đại học, giáo dục thường xuyên đẩy mạnh hội nhập quốc tế thông qua việc hợp tác với các cơ sở giáo dục có uy tín của nước ngoài hoặc được cấp có thẩm quyền công nhận.  7.2. Tổ chức thực hiện Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư trong lĩnh vực giáo dục; triển khai hiệu quả các thỏa thuận, các chương trình học bổng hiệp định.  7.3. Các cơ sở giáo dục mở rộng hợp tác quốc tế trong trao đổi học sinh/sinh viên, giáo viên/giảng viên, nghiên cứu khoa học; tăng số lượng các chương trình giảng dạy bằng tiếng nước ngoài; phát triển nhóm nghiên cứu quốc tế, thúc đẩy chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục đại học của các nước có uy tín hoặc được cấp thẩm quyền công nhận; khuyến khích công nhận tín chỉ, văn bằng, liên thông chương trình với các trường đại học nước ngoài có uy tín hoặc được cấp có thẩm quyền công nhận để thu hút học sinh, sinh viên, nhà khoa học nước ngoài đến học tập và nghiên cứu, làm việc tại Việt Nam.  7.4. Tăng cường thu hút các cơ sở giáo dục nước ngoài có uy tín hoặc được cấp có thẩm quyền công nhận vào Việt Nam dưới hình thức thành lập các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài hoặc liên danh, liên kết với các cơ sở giáo dục của Việt Nam theo quy định của pháp luật.  7.5. Tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra các chương trình liên kết giáo dục ở các cấp học và trình độ đào tạo; các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và hoạt động tư vấn du học; việc cấp, phát văn bằng.  7.6. Đổi mới công tác quản lý du học sinh, nhất là các du học sinh thuộc diện học bổng Chính phủ và du học sinh của Việt Nam ở nước ngoài; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý các du học sinh.  **8. Tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo**  8.1. Chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới, đặc biệt là lớp 1 năm học 2020 - 2021; triển khai có hiệu quả Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017 - 2025.  8.2. Bổ sung xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo phòng học, các phòng chức năng, bếp ăn, nhà vệ sinh, công trình nước sạch và mua sắm bổ sung các thiết bị dạy học còn thiếu, trong đó chú trọng các vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo.  8.3. Giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu nhà vệ sinh và công trình nước sạch trong các cơ sở giáo dục; không đưa vào sử dụng các công trình trường, lớp học, nhà vệ sinh chưa bảo đảm an toàn theo quy định.  8.4. Rà soát các tiêu chí về cơ sở vật chất, thiết bị của các trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia bảo đảm đúng quy định. Xây dựng và thực hiện kế hoạch bổ sung, duy tu, bảo dưỡng cơ sở vật chất, thiết bị đối với các tiêu chí trường chuẩn quốc gia đã quá hạn, bị xuống cấp.  **9. Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao**  9.1. Triển khai Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; thực hiện Khung trình độ quốc gia Việt Nam; nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của Hội đồng trường cơ sở giáo dục đại học.  9.2. Các cơ sở giáo dục đại học tích cực, chủ động đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy theo hướng tiếp cận năng lực, tăng cường kỹ năng ứng dụng và thực hành, chú trọng đạo đức nghề nghiệp và hiểu biết xã hội. Tăng cường gắn kết doanh nghiệp với cơ sở giáo dục đại học cùng tham gia xây dựng chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo, thực tập và tạo cơ hội việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.  9.3. Triển khai thực hiện Đề án của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp; nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển không gian khởi nghiệp sáng tạo trong các trường đại học; phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh trong các cơ sở giáo dục đại học; xây dựng cơ chế chính sách đầu tư phát triển các chương trình đào tạo tiên tiến, một số phòng thí nghiệm, chương trình nghiên cứu để phát triển một số đại học/trường đại học trọng điểm.  9.4. Chấn chỉnh các cơ sở giáo dục đại học vi phạm các quy định quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, nhất là các quy định về tuyển sinh, liên kết đào tạo, cấp văn bằng và chế độ báo cáo. Xem xét dừng tuyển sinh các chương trình đào tạo không đảm bảo chất lượng.    **II. Các nhóm giải pháp cơ bản**  **1. Hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh cải cách hành chính về giáo dục và đào tạo**  1.1. Tổ chức soạn thảo, trình các cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục; rà soát các văn bản hiện hành để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế nhằm đảm bảo phù hợp với các nội dung của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục và các văn bản pháp luật có liên quan.  1.2. Tiếp tục triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính theo Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ và kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.  1.3. Rà soát các vấn đề giáo dục và đào tạo trong toàn ngành để chủ động trong chỉ đạo, quản lý; tăng cường thanh tra, kiểm tra đột xuất hoặc chỉ đạo thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm. Kiểm tra các điều kiện đảm bảo chất lượng của các cơ sở giáo dục đại học, báo cáo Thủ tướng Chính phủ những cơ sở giáo dục đại học không bảo đảm chất lượng, hoạt động không hiệu quả để có phương án xử lý.  **2. Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ quản lý giáo dục**  2.1. Ban hành tiêu chuẩn chức danh và chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý phòng, sở giáo dục và đào tạo; triển khai các chương trình bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý giáo dục các cấp; hướng dẫn đánh giá, phân loại, sử dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý giáo dục theo tiêu chuẩn chức danh. Thực hiện nghiêm kỷ cương, kỷ luật, đạo đức lối sống đối với cán bộ quản lý giáo dục.   2.2. Thực hiện tuyển dụng, sử dụng biên chế công chức, viên chức, số lượng người làm việc theo đề án vị trí việc làm; đánh giá, phân loại công chức, viên chức bảo đảm thiết thực, khách quan, công bằng.  2.3. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả quản lý, đảm bảo bộ máy quản lý tinh gọn, hiệu quả.  **3. Tăng cường các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo**  3.1. Phân bổ, quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí được giao bảo đảm tỷ lệ chi tối thiểu 20% ngân sách cho giáo dục, trong đó chi thường xuyên bảo đảm tỷ lệ tối thiểu 18% dành cho chuyên môn; bố trí hợp lý cho chi đầu tư phát triển góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Ưu tiên lồng ghép các nguồn vốn ngân sách Trung ương kết hợp ngân sách địa phương để đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị đáp ứng điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục. Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, đề án, dự án đã được ban hành, đặc biệt là kinh phí bồi dưỡng, tập huấn giáo viên, kinh phí xây dựng tài liệu giáo dục địa phương để triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới và các chế độ, chính sách đối với nhà giáo và học sinh tại địa phương; không để xảy ra tình trạng “lạm thu” trong các cơ sở giáo dục.  3.2. Triển khai Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2025.  3.3. Khảo sát việc phân bổ dự toán, phân tích cơ cấu phân bổ chi, quyết toán 20% chi ngân sách nhà nước cho giáo dục; ban hành thông tư hướng dẫn xây dựng, thẩm định và định mức kinh tế kỹ thuật, phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục, đào tạo và tổ chức thực hiện.  3.4. Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị trong việc chỉ đạo, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2019; công khai kết quả thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm 2019; thực hiện công khai phân bổ, sử dụng có hiệu quả ngân sách năm 2020; xây dựng dự toán ngân sách đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025.  3.5. Thống nhất cơ chế quản lý, điều hành và thực hiện chương trình, đề án thuộc ngành giáo dục từ trung ương đến địa phương. Cân đối, huy động và bố trí thêm nguồn kinh phí khác của địa phương để đối ứng cho các chương trình, đề án, bảo đảm hoàn thành các nhiệm vụ, mục tiêu được giao.  **4. Tăng cường công tác khảo thí và kiểm định, đánh giá chất lượng giáo dục**  4.1. Tổ chức tổng kết, đánh giá kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm 2019; tổ chức tốt kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm 2020; chuẩn bị phương án tổ chức thi trung học phổ thông quốc gia giai đoạn 2021 - 2023 và sau năm 2023; tiếp tục thực hiện các chương trình đánh giá quốc gia, quốc tế về giáo dục.  4.2. Tổ chức giám sát, đánh giá các trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục; kiểm tra việc tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ, tin học, công tác quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ, công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục; từng bước xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu các điều kiện đảm bảo chất lượng của các cơ sở giáo dục để quản lý chất lượng bảo đảm thực chất và hiệu quả.  4.3. Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy định về thi, đánh giá, bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục, quản lý văn bằng, chứng chỉ trong hệ thống giáo dục quốc dân; đẩy mạnh công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục, nhất là đối với kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo.  4.4. Xây dựng ngân hàng câu hỏi chuẩn hóa dùng chung đánh giá chất lượng giáo dục phổ thông; đổi mới phương thức tổ chức các kỳ thi học sinh giỏi, năng khiếu theo hướng phân cấp, ủy quyền bảo đảm minh bạch, hiệu quả.  **5. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục và đào tạo**  5.1. Tiếp tục truyền thông, tổ chức quán triệt, học tập nội dung Nghị quyết 29-NQ/TW, Kết luận số 51-KL/TW, Kết luận 49-KL-TW và các quan điểm, định hướng của Đảng, Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong giai đoạn tới.  5.2. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục và đào tạo, tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức và hành động, sự đồng thuận của các tầng lớp nhân dân đối với sự nghiệp đổi mới giáo dục và đào tạo, trước hết là việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và thực hiện tự chủ đại học.  5.3. Chủ động thông tin, tuyên truyền các chủ trương, chính sách mới về giáo dục và đào tạo; chủ động xử lý các vấn đề truyền thông về giáo dục.  5.4. Tăng cường truyền thông nội bộ bảo đảm các chủ trương đổi mới, quy định của ngành phải đến từng cán bộ, giáo viên và người lao động trong các cấp quản lý và cơ sở giáo dục; tổ chức truyền thông gương người tốt, việc tốt trong quá trình thực hiện đổi mới giáo dục và đào tạo, tạo động lực cho đội ngũ nhà giáo, sự đồng thuận trong toàn ngành và xã hội.  **III. Tổ chức thực hiện**  1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo căn cứ các nhiệm vụ, giải pháp nêu trên, xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể của đơn vị; tổ chức hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch năm học, đề xuất các giải pháp chỉ đạo, kịp thời giải quyết những vấn đề vướng mắc nảy sinh trong quá trình thực hiện.  2. Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo căn cứ nhiệm vụ, giải pháp tại Chỉ thị này và tình hình thực tiễn của địa phương, tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành văn bản chỉ đạo về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm học 2019 - 2020 ở địa phương và tổ chức triển khai kế hoạch nhiệm vụ năm học; chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các cơ sở giáo dục trên địa bàn thực hiện tốt nhiệm vụ năm học 2019 - 2020; báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo kết quả sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học.  3. Giám đốc đại học, học viện, hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ, giải pháp năm học 2019 - 2020.  4. Cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan quản lý giáo dục các cấp; nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục đại học, các trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này./.     |  | | --- | |  | |

**II.Quyết định 1880/QĐ-UBND năm 2014 phê duyệt Quy hoạch phát triển sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Bình đến năm 2020**

**I. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN**

**1. Quan điểm phát triển**

1.1. Quy hoạch phát triển sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo phải thực hiện được quan điểm và đường lối của Đảng.

1.2. Quy hoạch phát triển sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; kế thừa những thành quả đạt được; phải đảm bảo quy mô, số lượng, chất lượng, lộ trình, nhu cầu đầu tư phù hợp với các điều kiện nguồn lực, khả năng của kinh tế tỉnh nhà, đồng thời đảm bảo sự hợp lý về cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu vùng, tính liên thông cấp học và trình độ đào tạo.

1.3. Quy hoạch phát triển sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo phải đúng định hướng Chiến lược phát triển sự nghiệp Giáo dục Quốc gia giai đoạn 2011-2020, đồng thời sát với thực tế của từng địa phương.

1.4. Quy hoạch phát triển sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo phải tạo được chuyển biến nhanh, vững chắc trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục; quan tâm phát triển giáo dục miền núi, vùng khó khăn, đồng thời rút ngắn khoảng cách về phát triển quy mô và chất lượng giáo dục giữa các vùng miền.

1.5. Quy hoạch phát triển sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo phải gắn với công tác xã hội hóa giáo dục. Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục trên cơ sở đổi mới tư duy, quan điểm về vai trò của Nhà nước, vai trò trách nhiệm của xã hội đối với giáo dục, về giáo dục trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về giá trị tạo ra của việc đầu tư cho giáo dục.

1. 6. Quy hoạch phát triển sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo phải gắn với thực hiện xoá đói giảm nghèo và thực hiện Tiêu chí xây dựng Nông thôn mới của Chính phủ. Chú trọng đến các vùng khó khăn nhằm giảm nghèo hơn nữa và nâng cao mức sống của nhân dân; hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho khu vực nông nghiệp, nông thôn.

**2. Mục tiêu phát triển**

*2.1. Mục tiêu tổng quát*

Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục với mục tiêu huy động sự tham gia của toàn xã hội vào phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, làm cho mọi người, mọi tổ chức đều được đóng góp và được hưởng thụ những thành quả của giáo dục và đào tạo, nhằm đến năm 2020 Giáo dục và Đào tạo Quảng Bình được đổi mới căn bản và toàn toàn diện theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hoá, hội nhập quốc tế; tiếp cận trình độ tiên tiến của cả nước và khu vực.

*2.2. Mục tiêu cụ thể*

2.2.1. Giáo dục Mầm non

- Hoàn thành Phổ cập Giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi vào năm 2015, nâng cao chất lượng phổ cập trong những năm tiếp theo. Từng bước chuẩn hóa hệ thống các trường mầm non. Phát triển Giáo dục Mầm non dưới 5 tuổi có chất lượng, phù hợp với điều kiện và các yêu cầu của từng địa phương.

- Đến năm 2015 có ít nhất có 35% trẻ trong độ tuổi Nhà trẻ và 95% trẻ trong độ tuổi Mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở Giáo dục Mầm non; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng trong các cơ sở Giáo dục Mầm non giảm xuống còn 8%; có từ 40% đến 45% trường Mầm non đạt chuẩn Quốc gia; 100% trẻ trong độ tuổi Mầm non được học 2 buổi/ngày; 100% số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn Phổ cập Giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi.

- Đến năm 2020, có ít nhất 50% trẻ trong độ tuổi Nhà trẻ và 98% trẻ trong độ tuổi Mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở Giáo dục Mầm non; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng trong các cơ sở Giáo dục Mầm non giảm xuống còn 5%; có từ 50% đến 60% trường Mầm non đạt chuẩn Quốc gia.

- Thành lập mới trường mầm non ngoài công lập ở những nơi có điều kiện kinh tế phát triển. Đến năm 2020, có 6-8 % trường mầm non ngoài công lập.

2.2.2. Giáo dục Phổ thông

a) Giáo dục Tiểu học:

- Củng cố và nâng cao kết quả Phổ cập Giáo dục Tiểu học - Chống mù chữ. Đến năm 2015 có 100% xã đạt Phổ cập Giáo dục Tiểu học Đúng độ tuổi. Đến năm 2018 huy động 100% trẻ em trong độ tuổi đến trường.

- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học vào lớp 6 đạt ít nhất 99%.

- Đến năm 2015 có 65 - 70% và năm 2020 có ít nhất 90% trường đạt chuẩn Quốc gia, trong đó số trường đạt chuẩn Quốc gia Mức II ít nhất 25% vào năm 2015 và 50% vào năm 2020.

- Thành lập mới trường tiểu học tư thục ở những nơi có điều kiện kinh tế phát triển. Đến năm 2020, toàn tỉnh có 2-3 % trường tiểu học tư thục.

b) Giáo dục Trung học cơ sở:

- Đến năm 2015 có 100% số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn Phổ cập Giáo dục Trung học cơ sở.

- Tỷ lệ học sinh Trung học cơ sở trong độ tuổi đến trường ít nhất đạt 95% vào năm 2015 và 98% vào năm 2020.

- Đến năm 2015 có 40 - 45% và 2020 có ít nhất 70% trường đạt chuẩn Quốc gia;

- Thành lập mới trường trung học cơ sở tư thục ở những nơi có điều kiện kinh tế phát triển. Đến năm 2020, toàn tỉnh có 3-4% trường trung học cơ sở tư thục.

c) Giáo dục Trung học phổ thông:

- Duy trì tỷ lệ tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông đạt 72-75% hàng năm.

- Có ít nhất 70-75% thanh niên trong độ tuổi vào năm 2015 và ít nhất 80% vào năm 2020 đạt trình độ học vấn Trung học phổ thông và tương đương.

- Đến năm 2015 có 40 - 45% và năm 2020 có ít nhất 75% trường đạt chuẩn Quốc gia.

- Thành lập mới trường trung học phổ thông tư thục ở những nơi có điều kiện kinh tế phát triển. Đến năm 2020, toàn tỉnh có 5-6% trường trung học phổ thông tư thục.

2.2.3. Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục đại học

- Thu hút học sinh trong độ tuổi vào các trường chuyên nghiệp đạt 15% năm 2015 và 30% năm 2020. Tăng quy mô đào tạo ở các trường chuyên nghiệp bình quân 20%/năm ở các ngành nghề chủ yếu phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- Đến năm 2020, tỷ lệ sinh viên tất cả các hệ đào tạo vào khoảng 600-650 sinh viên/vạn dân. Riêng Đại học Quảng Bình đến năm 2020 tổng số sinh viên đại học, cao đẳng, hệ liên thông, hệ vừa học vừa làm trên 10.000 sinh viên/năm.

- Tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo đạt từ 55 - 60% vào năm 2015 và 75-80% vào năm 2020.

2.2.4. Dạy nghề

- Đào tạo nghề (cả 3 cấp trình độ) bình quân mỗi năm khoảng 3% số lao động trong độ tuổi (tương đương 15.000 người/năm), trong đó: cao đẳng nghề trên 200 người/năm, trung cấp nghề trên 1500 người/năm.

- Thực hiện đào tạo nghề để nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt từ 35-40% vào năm 2015 (trong đó trung cấp nghề, cao đẳng nghề chiếm tỷ lệ là 15%) và 50-55% vào năm 2020 (trong đó trung cấp nghề, cao đẳng nghề chiếm tỷ lệ là 20%).

2.2.5. Giáo dục thường xuyên

- Phát triển Giáo dục thường xuyên tạo cơ hội cho mọi người có thể học tập suốt đời, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của mình; bước đầu hình thành xã hội học tập. Chất lượng Giáo dục thường xuyên được nâng cao, giúp người học có kiến thức, kỹ năng thiết thực để tạo việc làm hoặc chuyển đổi nghề nghiệp.

- Củng cố và nâng cao năng lực hoạt động giáo dục thường xuyên cấp huyện; đảm bảo 100% Trung tâm học tập cộng đồng xã, phường và thị trấn hoạt động có chất lượng, hiệu quả.

- Triển khai Kế hoạch hành động Quốc gia giáo dục cho mọi người đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Phấn đấu đến năm 2015, hầu hết những người trong độ tuổi từ 15 đến 35 tuổi đạt chuẩn xoá mù chữ; tăng nhanh tỷ lệ xoá mù chữ trong các dân tộc thiểu số.

- Củng cố vững chắc kết quả Phổ cập Giáo dục Tiểu học Đúng độ tuổi, Phổ cập Giáo dục Trung học cơ sở, triển khai thực hiện Phổ cập Giáo dục Trung học.

2.2.6. Giáo dục trẻ em khuyết tật

Huy động trẻ trong độ tuổi khuyết tật từ 70-75% vào năm 2015 và 85-90% năm 2020 vào học các loại hình lớp hoà nhập, bán hoà nhập hoặc chuyên biệt.

2.2.7. Chất lượng đội ngũ

a) Đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn

- Giáo dục Mầm Non: Đến năm 2015, 100% giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn và 45-50% trình độ đào tạo trên chuẩn; năm 2020, có ít nhất 70% giáo viên trình độ đào tạo trên chuẩn;

- Giáo dục Tiểu học: Đến năm 2015, 100% giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn và ít nhất 90% trình độ đào tạo trên chuẩn; năm 2020, có ít nhất 95% giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn, trong đó có 4-7% giáo viên có trình độ đào tạo sau đại học.

- Giáo dục Trung học cơ sở: Đến năm 2015, 100% giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn và có ít nhất 60% giáo viên đạt trình độ đào tạo trên chuẩn; năm 2020, có 70-75% đào tạo trên chuẩn, trong đó ít nhất 7% giáo viên có trình độ đào tạo sau đại học.

- Giáo dục Trung học phổ thông: Đến năm 2015 có 12-15% và năm 2020 có 25-30% giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn.

- Giáo dục chuyên nghiệp: Đến năm 2015 có 20-25% và năm 2020 có 35-40 % giáo viên có trình độ đào tạo sau đại học.

- Giáo dục cao đẳng và đại học: Đến năm 2015 có 45-55% và năm 2020 có 70-80% giáo viên có trình độ đào tạo sau đại học; riêng đối với Đại học Quảng Bình đến năm 2020 có 100% giảng viên có trình độ sau đại học, trong đó có trên 25% đạt trình độ Tiến sĩ, tỷ lệ Giảng viên chính, Phó Giáo sư chiếm khoảng 40%.

- Dạy nghề: Chuẩn hóa đội ngũ giáo viên dạy các nghề trọng điểm cấp độ quốc gia và trình độ đào tạo, kỹ năng và sư phạm nghề. Đến năm 2014, 100% giáo viên dạy nghề có trình độ đạt chuẩn.

b) Đào tạo khác

- Đến năm 2015, có ít nhất 15% và năm 2020 có ít nhất trên 30% cán bộ quản lý, giáo viên các cơ sở giáo dục có trình độ Tiếng Anh đạt Bậc 3 (B1) trở lên; riêng các trường cao đẳng, Đại học Quảng Bình đến năm 2020 có ít nhất 80% viên chức giữ chức vụ quản lý, giảng viên có trình độ Tiếng Anh Bậc 3(B1).

- Đến năm 2020, 100% cán bộ quản lý giáo dục các cấp có trình độ lý luận chính trị trung cấp trở lên; ít nhất 50% có trình độ chuyên môn đào tạo trên chuẩn; 100% cán bộ quản lý, giáo viên các cấp học có trình độ Tin học đạt chuẩn.

**II. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỔ MẠNG LƯỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**1. Phương hướng phát triển**

Hoàn thiện cơ cấu hệ thống giáo dục và đào tạo của tỉnh nhà theo hướng đa dạng hoá, liên thông từ giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, cao đẳng và đại học. Tổ chức phân luồng sau Trung học cơ sở và Trung học phổ thông.

Phát triển mạng lưới trường lớp theo hướng khắc phục bất hợp lý về cơ cấu trình độ, ngành nghề và cơ cấu vùng miền, gắn nhà trường với xã hội, gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học và ứng dụng. Quan tâm phát triển các cơ sở giáo dục ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng bãi ngang.

Khuyến khích phát triển các cơ sở giáo dục và đào tạo ngoài công lập.

Khuyến khích mở các cơ sở giáo dục đào tạo có chất lượng cao, có uy tín bằng 100% vốn đầu tư của các tổ chức hoặc tư nhân nước ngoài; khuyến khích các cơ sở đào tạo liên kết với các cơ sở có chất lượng trong và ngoài nước.

**2. Phương án quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo**

*2.1. Quy hoạch phân bố ngành, cấp học trên địa bàn*

2.1.1. Giáo dục Mầm non và Giáo dục Phổ thông

a) Cấp xã

b) Cấp huyện

2.1.2. Giáo dục thường xuyên, Giáo dục nghề nghiệp và đại học

- Mỗi huyện, thành phố, thị xã có 01 trung tâm thực hiện các chức năng giáo dục thường xuyên, kỹ thuật tổng hợp và dạy nghề; có từ 2-3 cơ sở khác tham gia dạy nghề.

- Nâng cấp các trường trung cấp chuyên nghiệp tại Thành phố Đồng Hới thành cao đẳng khi có đủ điều kiện, gắn với nhu cầu đào tạo nghề chất lượng cao.

- Thành lập mới một số trường trung cấp, cao đẳng chuyên nghiệp - dạy nghề, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Khuyến khích thành lập mới các trường trung cấp, cao đẳng tư thục.

- Xây dựng Trường Đại học Quảng Bình phát triển cân đối về quy mô, đa dạng về hình thức đào tạo; tiếp tục xây dựng đội ngũ và cơ sở vật chất để mở các ngành đại học theo hướng ổn định quy mô đào tạo các ngành sư phạm và ngành ngoài sư phạm, ưu tiên các ngành về công nghệ, kỹ thuật, dịch vụ du lịch. Tăng cường mở rộng mô hình liên kết đào tạo với các trường đại học lớn trong nước, khu vực, quốc tế về đào tạo đại học và sau đại học để đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

2.1.3. Dạy nghề

- Đến năm 2015: Có 01 trường cao đẳng nghề; 02 trường trung cấp nghề; 05 trung tâm dạy nghề; 15 cơ sở dạy nghề (có 12 cơ sở ngoài công lập); 08 trung tâm thực hiện các chức năng giáo dục thường xuyên - hướng nghiệp - dạy nghề - tư vấn việc làm.

- Đến năm 2020: Có 02 trường cao đẳng nghề; 01 trường trung cấp nghề; 38 cơ sở dạy nghề (có 32 cơ sở ngoài công lập); 08 trung tâm thực hiện các chức năng giáo dục thường xuyên - hướng nghiệp - dạy nghề - tư vấn việc làm.

*2.2. Quy hoạch cụ thể mạng lưới trường, lớp*

\* Thành phố Đồng Hới

- Từ năm 2014: Hợp nhất Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp, Trung tâm Giáo dục thường xuyên thành Trung tâm Giáo dục - Dạy nghề thành phố Đồng Hới; nâng cấp Trường Trung cấp nghề Quảng Bình thành cao đẳng; tách Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh ra khỏi khuôn viên Trường Trung cấp Kinh tế Quảng Bình và chuyển về địa điểm Trung tâm Giáo dục -Thường xuyên Đồng Hới; bàn giao diện tích đất và tài sản trên đất của Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh cho Trường Trung cấp Kinh tế Quảng Bình; hoàn thiện cơ sở hạ tầng Trường trung cấp Luật Quảng Bình (tại Phường Bắc Lý);

- Từ năm 2015: thành lập cụm Trường tư thục Hà Quảng (gồm: mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) tại Bắc đường Trần Quang Khải; thành lập mới Trường cao đẳng kỹ thuật (tại phường Thuận Đức); nâng cấp các trường trung cấp chuyên nghiệp lên cao đẳng, gắn với nhu cầu đào tạo nghề chất lượng cao; nâng cấp Trường trung cấp nghề số 9 thành thành cao đẳng. Thành lập mới Trường Mầm non Bảo Ninh 2 trên cơ sở cụm lẻ Trường Mầm non Bảo Ninh; Trường Mầm non Bắc Lý 2 trên cơ sở cụm lẻ Trường Mầm non Bắc Lý; Trường Trung học cơ sở Thuận Đức trên cơ sở cụm lẻ Trường Trung học cơ sở số 2 Đồng Sơn, Trường Trung học cơ sở Nghĩa Ninh; giải thể Trường Trung học cơ sở 2 Đồng Sơn.

- Thành lập mới 4-5 trường mầm non, 01 trường tiểu học, 01 trường trung học cơ sở và 5-7cơ sở dạy nghề ngoài công lập.

**III. CÂN ĐỐI ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO THỰC HIỆN QUY HOẠCH**

**1. Dự báo nhu cầu phòng học các loại**

1.1. Giai đoạn từ nay đến năm 2015

*1.1.1. Nhu cầu khối phòng học, phòng phục vụ học tập và hành chính quản trị cả giai đoạn là 6.182 phòng. Trong đó:*

a) Xây dựng mới theo yêu cầu quy mô phát triển gồm 2890 phòng các loại.

b) Xây mới để thay thế các phòng đã xuống cấp 1.892 phòng.

c) Cải tạo, nâng cấp 1400 phòng.

*1.1.2. Nhu cầu công trình vệ sinh giáo viên và học sinh*

1.2. Giai đoạn 2016 - 2020

*1.2.1. Nhu cầu khối phòng học, phòng phục vụ học tập và hành chính quản trị cả giai đoạn là 10.385 phòng. Trong đó:*

a) Xây mới phòng học đáp ứng quy mô phát triển 4.750 phòng

b) Xây mới để thay thế các phòng đã xuống cấp 3.130 phòng

c) Cải tạo, nâng cấp 2.505 phòng.

*1.2.2. Nhu cầu công trình vệ sinh giáo viên và học sinh*

**2. Dự báo nhu cầu giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp**

2.1. Nhu cầu giáo viên các cấp học và trình độ đào tạo

- Giai đoạn từ nay đến 2015: Bình quân mỗi năm cần 16.000-17.000 giáo viên.

- Giai đoạn 2016-2020: Bình quân mỗi năm cần 18.000-19.000 giáo viên.

2.2. Nhu cầu cán bộ quản lý và nhân viên các cấp học và trình độ đào tạo

- Giai đoạn từ nay đến năm 2015: Bình quân mỗi năm cần 1.350 cán bộ quản lý và 2.500 - 2.600 nhân viên các loại.

- Giai đoạn 2016 - 2020: Bình quân mỗi năm cần 1400-1460 cán bộ quản lý và 2700-2800 nhân viên các loại.

**3. Dự báo nhu cầu đất xây dựng**

Tổng diện tích đất tăng thêm dự kiến trong kỳ quy hoạch là 406,29 ha.

**4. Dự báo nhu cầu vốn để đầu tư phát triển cơ sở vật chất theo phương án quy hoạch đến 2015 và 2020**

*4.1. Nhu cầu vốn xây dựng cơ sở vật chất (phòng học, phòng chức năng, phòng hành chính quản trị, phòng phục vụ học tập và các công trình vệ sinh)*

4.1.1. Giai đoạn đến năm 2015, dự kiến 1.410.820 triệu đồng

4.1.2. Giai đoạn từ 2016 đến 2020, dự kiến 3.531.750 tr.đồng.

*4.2. Nhu cầu vốn mua sắm thiết bị công nghệ*

4.2.1. Giai đoạn đến năm 2015, dự kiến 137.666 tr.đồng

4.2.2. Giai đoạn 2016 đến năm 2020, dự kiến 183.083 tr.đồng.

**5. Dự báo kế hoạch ngân sách đến 2015 và 2020**

**6. Dự kiến các nguồn vốn thực hiện quy hoạch**

**7. Các chương trình dự án, đề án, kế hoạch ưu tiên thực hiện: (Có chi tiết theo Phụ lục đính kèm)**

**IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH**

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của mọi lực lượng xã hội về vai trò của giáo dục và đào tạo trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

1.1. Nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền, ban ngành, đoàn thể và toàn dân về vị trí, vai trò và định hướng phát triển giáo dục trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước và Quy hoạch phát triển Giáo dục và Đào tạo của tỉnh.

1.2. Thông qua các phương tiện thông tin để tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách,việc làm, định hướng về phát triển giáo dục và đào tạo của các địa phương. Tranh thủ sự ủng hộ và đầu tư của toàn xã hội, các tổ chức trong và ngoài nước cho giáo dục và đào tạo.

1.3. Công khai hoá quy hoạch, kế hoạch, các hoạt động giáo dục và đào tạo thông qua chương trình và kế hoạch của các tổ chức Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các tổ chức đoàn thể;

1.4. Tổ chức các đợt truyền thông đến cha mẹ học sinh và cộng đồng về hệ thống luật pháp nói chung và hệ thống pháp luật giáo dục nói riêng như Luật Giáo dục, Luật Chăm sóc và bảo vệ trẻ em, Công ước quốc tế về quyền trẻ em, Luật Dạy nghề.

2. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với quá trình đổi mới giáo dục, trước hết là đổi mới mạnh mẽ, sâu sắc tư duy giáo dục và quản lý giáo dục

2.1. Thực hiện đồng bộ phân cấp quản lý và triển khai cơ chế phối hợp giữa các sở, ban ngành với địa phương trong quản lý nhà nước về giáo dục theo hướng phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra.

2.2. Đa dạng hoá phương thức học tập đáp ứng nhu cầu nhân lực, tạo cơ hội học tập suốt đời cho người dân. Đảm bảo phân luồng trong hệ thống, đặc biệt là phân luồng học sinh sau Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và liên thông giữa các chương trình giáo dục, cấp học và trình độ đào tạo.

2.3. Phân loại chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục chuyên nghiệp và đại học theo tiêu chuẩn chất lượng quốc gia.

2.4. Tập trung quản lý chất lượng giáo dục và đào tạo: Chuẩn hóa đầu ra và các điều kiện đảm bảo chất lượng trên cơ sở ứng dụng các thành tựu mới về khoa học giáo dục, khoa học công nghệ và khoa học quản lý, từng bước áp dụng chuẩn của các nước tiên tiến.

2.5.Gắn kết dạy nghề với thị trường lao động và sự tham gia của doanh nghiệp

2.6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông nhằm nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục các cấp.

3. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục và đào tạo

3.1. Đổi mới căn bản, toàn diện nội dung và phương pháp đào tạo, bồi dưỡng, nhằm xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đảm bảo số lượng, chất lượng thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2015.

3.2. Thông qua các trung tâm, cơ sở đào tạo tin học - ngoại ngữ trên địa bàn nhằm đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ ngoại ngữ, trình độ tin học, tiến tới 100% cán bộ, giáo viên sử dụng, khai thác thành thạo thiết bị công nghệ thông tin .

3.3. Đảm bảo từng bước có đủ giáo viên thực hiện giáo dục toàn diện theo chương trình giáo dục và đào tạo, dạy học 2 buổi/ngày, giáo viên dạy ngoại ngữ, giáo viên dạy tin học, giáo viên tư vấn học đường và hướng nghiệp, giáo viên dạy nghề.

3.4. Có chế độ, chính sách hợp lí vận động giáo viên, cán bộ lớn tuổi, năng lực hạn chế nghỉ theo chế độ, đồng thời tuyển dụng đội ngũ sinh viên trẻ, có trình độ chuyên môn, có phẩm chất đạo đức tốt thay thế.

3.5. Xây dựng và hoàn thiện một số cơ chế, chế độ chính sách đối với đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục .

3.6. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên dạy nghề đủ về số lượng, hợp lý đồng bộ về cơ cấu ngành nghề.

4. Đổi mới nội dung, phương pháp dạy học; hình thức, phương pháp kiểm tra, thi và đánh giá chất lượng giáo dục, bảo đảm trung thực, khách quan, chính xác, theo yêu cầu phát triển năng lực, phẩm chất người học

4.1. Tổ chức thực hiện hiệu quả đổi mới chương trình và sách giáo khoa từ sau năm 2015 theo định hướng phát triển năng lực học sinh phù hợp với đặc thù mỗi địa phương. Chú trọng nội dung giáo dục đạo đức, pháp luật, thể chất, quốc phòng - an ninh và các giá trị văn hoá truyền thống; giáo dục kỹ năng sống, giáo dục lao động và hướng nghiệp học sinh phổ thông.

4.2. Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện theo hướng phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo và năng lực tự học của người học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học.

4.3. Phát triển các chương trình giáo dục thường xuyên, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông nhằm mở rộng các hình thức học tập .

4.4. Căn cứ đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội và nguồn nhân lực ở từng địa phương để xây dựng các chương trình đào tạo nghề trên cơ sở khung chương trình hoặc tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia.

4.5.Tăng cường kiểm tra thường xuyên, đột xuất để kịp thời phát hiện và có biện pháp khắc phục những sai phạm trong công tác đào tạo nghề.

5. Xây dựng các chính sách đầu tư ngân sách Nhà nước hợp lý, cơ chế huy động mọi nguồn lực đóng góp của xã hội cho giáo dục và đào tạo

5.1. Để thu hút vốn đầu tư phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục cần xây dựng kế hoạch phát triển đơn vị thông qua các đề án khả thi.

5.2. Có chính sách ưu đãi và cơ chế phù hợp để khuyến khích tư nhân, tổ chức đầu tư xây dựng các cơ sở giáo dục và đào tạo; đảm bảo đủ diện tích đất cho các cơ sở giáo dục và đào tạo theo đúng Điều lệ các cấp học và trình độ đào tạo

5.3. Đảm bảo tỷ lệ chi cho Giáo dục trong tổng ngân sách nhà nước tối thiểu đạt 20% tổng chi ngân sách, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và quản lý sử dụng có hiệu quả.

5.4 .Tiếp tục đổi mới cơ chế tài chính giáo dục nhằm huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước và xã hội đầu tư cho giáo dục.

5.5. Đầu tư kinh phí xây dựng trung tâm dạy nghề điểm; xây dựng thêm nhà xưởng, phòng học cho các cơ sở dạy nghề; nâng cấp trang thiết bị dạy nghề đã có, huy động nguồn lực của các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư cho dạy nghề. Khuyến khích các doanh nghiệp đỡ đầu, hỗ trợ cơ sở dạy nghề.

5.6. Có chính sách khuyến khích thu hút giáo viên, nhà khoa học, kỹ sư, thợ lành nghề, nghệ nhân tham gia dạy nghề. Tăng cường chỉ đạo các sở, ban, ngành đoàn thể, các huyện, thành phố quan tâm triển khai công tác dạy nghề, nhất là dạy nghề cho lao động nông thôn.

6. Phân cấp việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật các cơ sở giáo dục và đào tạo

6.1. Tiếp tục thực hiện sự phân công, phân cấp quản lí việc xây dựng trường học giữa các cấp chính quyền theo Quyết định[248/QĐ-TTg](https://tracuuvanban.net/docs/find-go/vietnamese/248/Q%C4%90-TTg/) của Thủ tướng Chính phủ.

6.2. Các trường, cơ sở giáo dục vùng khó, vùng dân tộc, vùng miền núi khó khăn được Nhà nước hỗ trợ ngân sách xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật trường học (thông qua các Dự án, Chương trình mục tiêu Quốc gia...).

6.3. Các cơ sở giáo dục và đào tạo vùng thuận lợi, thị trấn, thị xã, thành phố huy động các nguồn vốn địa phương, sự đóng góp, hỗ trợ của phụ huynh học sinh và người học, của các tầng lớp xã hội, các nhà đầu tư và doanh .

6.4. Thực hiện có hiệu quả Chương trình kiên cố hoá trường, lớp và nhà công vụ giáo viên, lồng ghép với các chương trình khác.

6.5. Tăng mức hỗ trợ đầu tư từ nguồn kinh phí địa phương để bổ sung kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia việc làm và dạy nghề thuộc Dự án “Đổi mới và phát triển dạy nghề” và Dự án “Đào tạo nghề cho lao động Nông thôn đến năm 2020.

7. Tăng cường hỗ trợ phát triển giáo dục và đào tạo đối với vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và đối tượng chính sách xã hội

7.1. Xây dựng và thực hiện các chính sách nhằm đảm bảo bình đẳng về cơ hội học tập, hỗ trợ và ưu tiên phát triển giáo dục và đào tạo nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, các đối tượng chính sách xã hội, người nghèo.

7.2. Quy hoạch hợp lý mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo, trong đó, tăng các điểm trường về tận thôn, bản nhằm rút ngắn khoảng cách đến trường của trẻ.

7.3. Tăng định biên giáo viên/lớp để thực hiện dạy học 2 buổi/ ngày đối với cấp học Phổ thông và bán trú đối với cấp học Mầm non.

7.4. Ưu tiên đầu tư đủ cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các cơ sở giáo dục và đào tạo 7.5. Có chính sách đãi ngộ xứng đáng nhằm thu hút cán bộ giáo viên các địa phương khác tình nguyện đến công tác tại các địa bàn khó khăn .

7.6. Tăng chỉ tiêu tuyển sinh vào trường Phổ thông bán trú và Trường phổ thông dân tộc nội trú (tỉnh, huyện).

8. Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục

8.1. Tuyên truyền sâu rộng chủ trương, chính sách xã hội hoá giáo dục.

8.2. Đơn giản các thủ tục hành chính trong việc thành lập các cơ sở ngoài công lập trên cơ sở quy định chặt chẽ, hướng dẫn chi tiết điều kiện thành lập, điều kiện hành nghề và chế độ hậu kiểm.

8.3. Thực hiện chính sách bình đẳng giữa khu vực công lập và ngoài công lập về thi đua khen thưởng, về công nhận các danh hiệu nhà nước, về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, tiếp nhận, thuyên chuyển cán bộ viên chức từ khu vực công lập sang ngoài công lập và ngược lại.

8.4. Đa dạng hoá các loại hình trường lớp, các phương thức học tập và chương trình, nhằm tạo thuận lợi cho mọi cá nhân tiếp nhận giáo dục ở mọi địa điểm và thời gian thích hợp.

8.5. Khuyến khích các trường trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học, dạy nghề liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo có chất lượng trong nước và ngoài nước.

9. Nâng cao hiệu lực chỉ đạo điều hành thực hiện quy hoạch

9.1. Thực hiện tốt các quy định pháp luật phân cấp quản lý giáo dục về tăng cường vai trò, trách nhiệm của chính quyền địa phương trong phát triển giáo dục và đào tạo. 9.2. Xây dựng cơ chế phù hợp, thống nhất trong tổ chức thực hiện và điều hành giữa công tác quy hoạch và kế hoạch.

9.3. Xây dựng hệ thống chính sách hỗ trợ để thực hiện các mục tiêu chiến lược trong quy hoạch và các mục tiêu cụ thể của kế hoạch trong từng giai đoạn.

9.4. Đảm bảo sự điều hành thống nhất, có hiệu quả của các cấp chính quyền, nhất là chính quyền cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn) trong tổ chức thực hiện quy hoạch và kế hoạch.

**V. CÁC GIAI ĐOẠN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

**1. Giai đoạn từ nay đến năm 2015**

- Soát xét lại toàn bộ các nhiệm vụ, mục tiêu đã đề ra trong Quy hoạch giai đoạn từ nay đến năm 2015, để điều chỉnh bổ sung kịp thời các nhiệm vụ, mục tiêu và giải pháp mới.

- Điều chỉnh hợp lí hệ thống mạng lưới trường lớp các cấp học, trình độ đào tạo trên tất cả các địa bàn, trong đó, tập trung xây dựng quy hoạch phát triển về việc sắp xếp phù hợp hệ thống các cơ sở giáo dục và đào tạo, dạy nghề công lập và ngoài công lập.

- Rà soát, sắp xếp đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đảm bảo về số lượng và cân đối về cơ cấu.

- Xây dựng và hoàn thiện một số chính sách của địa phương như: Chính sách bồi dưỡng và thu hút nhân tài; chính sách khuyến khích thu hút giáo viên, nhà khoa học, kỹ sư, thợ lành nghề, nghệ nhân tham gia dạy nghề, hướng dẫn nghề...

- Xây dựng cơ chế đầu tư xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia, cơ chế xã hội hoá giáo dục, cơ chế phối kết hợp trong tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục và đào tạo.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt Đổi mới Giáo dục Mầm Non; chuẩn bị các điều kiện để thực hiện Đổi mới Giáo dục Phổ thông.

- Đánh giá điều chỉnh các mục tiêu và giải pháp thực hiện Quy hoạch vào cuối năm 2015; tổ chức sơ kết thực hiện Quy hoạch giai đoạn 1 vào đầu năm 2016.

**2. Giai đoạn 2016 - 2020**

Thực hiện Đổi mới Chương trình Giáo dục Phổ thông; tiếp tục thực hiện Đổi mới Giáo dục Mầm Non, nghề nghiệp, đại học, dạy nghề và một số nhiệm vụ của giai đoạn từ 2016 đến 2020 với các điều chỉnh bổ sung hợp lý. Tập trung việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở tất cả các ngành, cấp học và trình độ đào tạo; phấn đấu đạt các mục tiêu đề ra.

**III.NQ số 04/ TW ngày  08 tháng 03 năm 2016 về phát triển GD-ĐT thành phố Đồng Hới giai đoạn 2016-2020**

**1. Phương hướng chung**

Nâng cao chấtlượng giáo dục và cácđiều kiệnđảm bảo chất lượng giáo dục; thực hiện nghiêm kỷ cương, nền nếp, dân chủ trong trường học, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường và thực hiện tốt vệ sinh trường học; tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ứng xử văn hóa cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục.

Giáo dục mầm non tập trung phát triển trường, lớp; đẩy mạnh các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước, kiên quyết chống hành vi bạo hành trẻ và khắc phục tình trạng thiếu giáo viên.  
Giáo dục phổ thông tiếp tục chuẩn bị các điều kiện để thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới, nhất là đối với lớp 1; nâng cao chất lượng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, đặc biệt là kỳ thi trung học phổ thông quốc gia; đổi mới cơ chế quản lý trong các trường phổ thông.

Giáo dục thường xuyên tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng, các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên sau sáp nhập; chấn chỉnh các trung tâm ngoại ngữ, tin học, đào tạo từ xa hoạt động không đúng quy định; rà soát, tiếp tục thực hiện các mục tiêu của Đề án xây dựng xã hội học tập.

**2. Các nhiệm vụ chủ yếu**

**2.1. Rà soát, quy hoạch, phát triển mạng lưới trường, lớp và cơ sở giáo dục trong toàn tỉnh**

Tồ chức rà soát, sắp xếp hợp lý mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hànhTrung ương Đảng, khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm chất lượng giáo dục.

Hoàn thành việc rà soát, quy hoạch, sắp xếp lại mạng lưới các cơ sở GDMN, phổ thông trên địa bàn theo hướng cụm trường, liên trường, các điểm chính, điểm trường lẻ, đảm bảo hiệu quả, phù hợp với điều kiện địa phương, đáp ứng nhu cầu giáo dục. Thực hiện xã hội hóa giáo dục, nhất là bậc học mầm non; khắc phục tình trạng mạng lưới trường, lớp manh mún ở một số địa phương.

**2.2. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục**

Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo; thực hiện đúng quy chế làm việc và văn hóa công sở.  
Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại đội ngũ giáo viên gắn với việc bảo đảm các quy định về định mức số lượng giáo viên đối với các cấp học và trình độ đào tạo, phù hợp với việc rà soát, sắp xếp, điều chỉnh lại một cách hợp lý hệ thống, quy mô trường, lớp.

Thực hiện nghiêm chủ trương tinh giảm biên chế theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 cùa Ban chấp hành Trung ương Đảng, khóa XII và Công văn số 3043/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 20/7/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện tinh giản biên chế trong ngành Giáo dục. Thực hiện các giải pháp bảo đảm đủ số lượng, cơ cấu giáo viên các cấp học theo quy định.

Triển khai các Đề án nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Lựa chọn, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông cốt cán theo chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên để thực hiện bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới, ưu tiên bồi dưỡng đội ngũ giáo viên dạy lớp 1.

Thực hiện bổ nhiệm, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh, thi/xét thăng hạng và bổ nhiệm, xếp lương theo quy định; thực hiện tốt công tác chính sách, thi đua, khen thưởng nhằm tạo động lực cho đội ngũ nhà giáo chuyên tâm với nghề.

Bồi dưỡng nâng cao năng lực triển khai các nhiệm vụ cho giáo viên đáp ứng yêu cầu theo các vị trí việc làm.

**2.3. Đổi mới giáo dục mầm non, phổ thông; đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng trong giáo dục phổ thông**

Tăng cường các điều kiện bảo đảm thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non; thực hiện chương trình hỗ trợ cha mẹ trẻ về kiến thức, kỹ năng chăm sóc giáo dục trẻ; xây dựng, triển khai các mô hình phối hợp gia đình - nhà trường - cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ; tiếp tục thực hiện hỗ trợ chuyên môn cho giáo viên ở các nhóm, lớp mầm non độc lập tư thục.

Tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông; xây dựng và triển khai có hiệu quả Kế hoạch nâng cao chất lượng dạy và học bậc phổ thông giai đoạn 2018-2021.Hướng dẫn triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới; hướng dẫn lựa chọn sách giáo khoa; xây dựng nội dung và tài liệu giáo dục địa phương; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới.

Tăng cường giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, văn hóa ứng xử trong nhà trường; thực hiện tốt hoạt động chào cờ, hát quốc ca trong các cơ sở giáo dục; chú trọng giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường hiệu quà; hướng dẫn học sinh, sinh viên trực tiếp tham gia hoạt động vệ sinh và ý thức bảo quản nhà vệ sinh, đảm bảo trường lớp sạch, đẹp; củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu quả, đổi mới công tác y tế trường học, bảo đảm chăm sóc sức khỏe cho học sinh.

Triển khai thực hiện Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông.

**2.4. Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là Tiếng Anh ở các cấp học và trình độ đào tạo**

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ giáo viên phổ thông đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình ngoại ngữ theo chương trình giáo dục phổ thông mới. Đổi mới chương trình đào tạo giáo viên ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp giáo viên và khung năng lực giáo viên ngoại ngữ. Bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ và năng lực sư phạm cho đội ngũ giáo viên dạy các môn học khác bằng ngoại ngữ.

Xây dựng, triển khai kế hoạch bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường quản lý nâng cao chất lượng dạy học của các trung tâm ngoại ngữ.

Tiếp tục đổi mới hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực ngoại ngữ của học sinh, sinh viên theo chuẩn đầu ra ngay trong quá trình và theo kết quả từng giai đoạn giáo dục, đào tạo. Tăng cường các điều kiện dạy và học ngoại ngữ theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống hỗ trợ dạy và học ngoại ngữ trực tuyến cho các cấp học và các trang thiêt bị tối thiểu để triển khai hoạt động dạy và học ngoại ngữ đáp ứng mục tiêu đào tạo chung.

Xây dựng, phát triển môi trường học và sử dụng ngoại ngữ, phát động phong trào giáo viên, giảng viên cùng học Tiếng Anh với học sinh, sinh viên; khuyến khích dạy các môn học khác bằng ngoại ngữ và dạy ngoại ngữ thông qua các môn học. Tăng cường dạy và học ngoại ngữ trên các phương tiện truyền thông đại chúng.Triển khai thí điểm cho trẻ mầm non làm quen với tiếng Anh.

**2.5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý giáo dục**

Hoàn thiện cơ sở dừ liệu ngành Giáo dục về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục đại học, giáo dục thường xuyên; tích hợp các hệ thống thông tin quản lý ngành hiện có vào cơ sở dữ liệu ngành.

Triển khai đồng bộ các phần mềm quản lý trong các cơ sở giáo dục và đào tạo, kết nối liên thông dữ liệu với phần mềm cơ sở dữ liệu ngành; tăng cường sử dụng hồ sơ điện tử (sổ điểm, học bạ, sổ liên lạc); triển khai giải pháp tuyển sinh trực tuyến với các lớp đầu cấp học.

Xây dựng và đưa vào sử dụng, khai thác có hiệu quả kho học liệu số toàn ngành, ngân hàng câu hỏi trực tuyến dùng chung và đóng góp vào Hệ tri thức Việt số hóa quốc gia.

Tiếp tục phát động giáo viên tham gia xây dựng bài giảng e-learning và đóng góp vào kho bài giảng e-learning trực tuyến toàn ngành; triển khai mô hình giáo dục điện tử, lớp học thông minh ở những nơi có điều kiện; khuyến khích các cơ sở giáo dục sử dụng các phần mềm trong dạy học.

Nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên; triển khai các giải pháp nâng cao chấtlượng phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

**2.6. Tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo**

Tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng, xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo phòng học, các phòng chức năng, nhà vệ sinh, công trình nước sạch và mua sắm bổ sung các thiết bị dạy học còn thiếu.Giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu nhà vệ sinh và công trình nước sạch trong các cơ sở giáo dục; không đưa vào sử dụng các công trình trường, lớp học, nhà vệ sinh chưa đảm bảo an toàn theo quy định.

Xác định nhu cầu về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học cho từng địa phương, từng vùng miền; xây dựng kế hoạch tổng thể triển khai công tác xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị trường học đồng bộ với lộ trình đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; xây dựng các chương trình, đề án cơ sở vật chất và thiết bị dạy học để xây dựng trường chuẩn quốc gia và các yếu tố đảm bảo chất lượng giáo dục, ưu tiên các địa phương khó khăn, miền núi, vùng đồng bào dân tộcvà lớp 1.

Thực hiện lồng ghép có hiệu quả các chương trình, đề án, dự án nhằm tăng cường các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học.

Để thực hiện tốt các nhóm nhiệm vụ chủ yếu nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này; đề nghị các cấp uỷ Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội và đoàn thể quan tâm tạo mọi điều kiện thuận lợi để năm học 2018-2019 đạt kết quả tốt.

**BỒI DƯỠNG NỘI DUNG 2:**

**A.Nội dung bồi dưỡng:**

Nghiên cứu, học tập và ứng dụng các chuyên đề phục vụ cho việc dạy học Tiếng Anh :

+ Sử dụng một số trò chơi ngôn ngữ trong dạy học Tiếng Anh THCS

+ Sử dụng hiệu quả ActivBoard và ActivInspire trong dạy học môn tiếng Anh THCS

**B. Thời gian bồi dưỡng:** Từ tháng 10 năm 2019 đến tháng 12 năm 2019.

**I.Tháng 10,11/2019: SỬ DỤNG MỘT SỐ TRÒ CHƠI NGÔN NGỮ TRONG DẠY HỌC TIẾNG ANH THCS**

**1.Kết hợp các trò chơi trong phần Khởi động vào bài mới (Warmup)**

***a.. Trò chơi “Hangman”***

Giáo viên gợi ý số chữ của từcầnđoán 1

bằng số gạch ngắntrênbảng; 2

Yêu cầu học sinh đoán các chữ có 3

trong từ; 4

Nếu học sinh đoán sai giáoviêngạch 6 5

một gạch (theo thứ tự trong hình vẽ);

Học sinh đoán sai 8 lần thì thuacuộc, 7 8

giáo viên giải đáp từ;

Đối với hình thức này, giáo viên chỉ cần đưa ra vài câu đố cho học sinh, hoặc các câu hỏi gợi mở bài mới nhằm giúp các em vui vẻ, tạo cảm giác thoải mái để học bài mới có hiệu quả cao hơn.

*Ví dụ*: What is the end of everything? (The letter G) What has teeth but cannot bite? (A comb) What am I?

“My face is marked. My hands keep moving I have no time to play

I must run all day.” (A clock)

***b. Trò chơi: “Kim Game”:***

Đây là một trò chơi tốt để giúp học sinh ghi nhớ nhanh những gì chúng được nhìn qua. Trò chơi này có thể được sử dụng để kiểm tra bài cũ hoặc dẫn dắt vào bài mới. Học sinh làm việc cá nhân và ghi nhớ những từ hay những hình ảnh được đưa ra.

*Ví dụ: Khi dạy Unit 4: My NewSchool, Lesson 7: Looking back + Project, Tiếng Anh 7;* giáo viên có thể cho học sinh xem một số bức tranh về các từ mới sẽ xuất hiện trong bài trong vòng 1 phút. Sau đó giáo viên yêu cầu học sinh lên bảng viết lại các từ mới.

***c. Trò chơi Bingo:***

Trò chơi này có thể áp dụng để ôn tập và kiểm tra từ mới của học sinh. Học sinh làm việc cá nhân. Học sinh nhắc lại 10 đến 15 từ đã học. Giáo viên viết các từ đó lên bảng và yêu cầu mỗi học sinh chọn 5 từ bất kỳ. Sau đó giáo viên đọc các từ trên bảng nhưng không theo thứ tự. Học sinh nghe từ và đánh dấu vào những từ trong danh sách từ đã chọn của nình nếu có. Học sinh nào có tất cả năm từ được đánh dấu thì hô to “Bingo” và sẽ là người thắngcuộc.

Ví dụ : Unit 2 Lesson 2: A closer look 1- Tiếng Anh 7

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cough** | **flu** | **headache** | **sick** |
| **earache** | **sore throat** | **allergy** | **sunburn** |

***d. Trò chơi Crossword puzzles (Trò chơi ô chữ):***

Trò chơi này không chỉ được dùng để kiểm tra các từ vựng của của học sinh mà còn kiểm tra kiến thức xã hội của học sinh. Đây cũng là trò chơi được sử dụng để giới thiệu chủ đề của bài mới.Học sinh làm việc theo cặp hoặc theonhómnhỏ dựa vàocác gợi ý để lật mở các chữ cái, từ đó đoán ra từ chìa khóa. Các câu hỏi gợi ý cho học sinh nên là các câu hỏi liên quan đến bài cũ và các câu hỏi có liên đến thực tế, kiến thức xã hội.

*Ví dụ: Khi dạy lesson 1: Getting started, Unit 3: My friends,* giáo viên có sử dụng trò chơi ô chữ để gợi dẫn vào tên của bài như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | | | B | | E | | D | | **R** | | O | O | | M |
|  | | | | | S | | O | | **F** | | A | |  | | |
| G | | U | | **E** | | S | | T |  | |
| K | I | T | C | | H | | E | | **N** | |  | | | | |
|  | | | F | | O | | O | | **D** | |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| P | **I** | C | N | I | C |

***e. Trò chơi Jumpled words (trò chơi tìm những từ bị xáo trộn vị trí các chữ cái):***

Để kiểm tra các từ đã học, giáo viên viết 5 hoặc 6 từ đã bị xáo trộn vào bảng phụ treo trên bảng. Học sinh làm việc theo cặp hoặc cá nhân để xếp lại trật tự các từ đó vào bảng phụ. Có thể yêu cầu học sinh cho nghĩa tiếng việt của các từ đó để nâng cao tính thử thách của tròchơi.

*Ví dụ: Unit 5: Vietnamese food and drink, Lesson 2: A Closer Look 1, Tiếng Anh 7*. Giáo viên có thể sử dụng trò chơi này để dẫn dắt vào bàimới.

***f. Trò chơi Who am I?***

Giáo viên thực hiện trò chơi này bằng cách viết các từ muốn kiểm tra vào các tờ giấy nhỏ. Sau đó, giáo viên gọi 1 số học sinh lên bảng chọn giấy và diễn tả bằng hành động, cử chỉ, không được nói bằng lời để những học sinh còn lại đoán được đó là từ gì. Trò chơi này có thể chơi cá nhân hoặc nhóm, để kiểm tra từ vựng hoặc gợi mở dẫn dắt học sinh vào nội dung của bài họcmới.

Ví dụ: Ở bài học về thể thao, giáo viên có thể dùng trò chơi này để kiểm tra từ vựng là các môn thể thao như wresting, rugby, weightlifting, hockey …. , hoặc giáo viên có thể đưa ra các trò chơi quen thuộc như football, basketball, boxing, table tennis … để dẫn dắt học sinh vào bài họcmới.

***j. Trò chơi: “Word Snakes”:***

Đây là một trò chơi đơn giản về từ vựng để bắt đầu hoặc kết thúc một bài học. Bạn có thể kiểm tra từ vựng của của một chủ đề nào đó như: jobs (athlete - gymnast – sycologist .......); food (apple - egg – garlic.....); animals hoặc tất cả cả các từ vựng mà học sinh đã gặp.

**2.Kết hợp các trò chơi trong phần giới thiệu và luyện tập, kiểm tra mức độ nắm bắt của học sinh về ngữ liệumới:**

Trong tiến trình một bài học thì phần giới thiệu ngữ liệu mới là phần quan trọng nhất của bài học. Nó quyết định đến những kiến thức mà học sinh sẽ có được qua một tiết học. Song nếu chúng ta chỉ dùng các phương pháp và thủ thuật để giới thiệu các ngữ liệu mới mà không khắc sâu (luyện tập) các ngữ liệu mới thì học sinh sẽ rất khó khăn trong việc sử dụng các ngữ liệu mới trong các kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết)tiếp theo của bài học. Các trò chơi trong phần này mà chúng ta có thể kết hợp trong quá trình giới thiệu và luyện tập ngữ liệu mới bao gồm:

***a.Trò chơi Slaps the board:***

Đây cũng là trò chơi giáo viên có thể dùng để kiểm tra mức độ nhớ từ của học sinh. Ví dụ: *Unit 9- Lesson 4- Communication ( Tiếng Anh 7).* Giáo viên viết từ mới mà học sinh vừa mới học hoặc dán tranh lên bảng. Cho 2 nhóm học sinh gồm 4 đến 6 em tham gia trò chơi đứng cách bảng một khoảng cách bằng nhau. Giáo viên lần lượt hô to các từ bằng tiếng việt và ngược lại. Nếu là tranh thì hô bằng tiếng Anh. Nhóm nào chạy lên vỗ vào đúng từ hoặc tranh trên bảng trước thì sẽ ghi điểm. Nhóm nào vỗ được đúng nhiều lần hơn sẽ thắng cuộc.

***b. Trò chơi “Brainstorming”:***

Trò chơi này giúp học sinh động não, suy nghĩ ra các hoạt động hoặc các lĩnh vực mà giáo viên đưa ra. Giáo viên có thể chia lớp ra thành hai đội chơi để tăng tính cạnh tranh và thú vị. Giáo viên yêu cầu mỗi đội chơi suy nghĩ về vấn đề được ra. Đội nào đưa ra nhiều đáp án chính xác hơn sẽ là đội thắng cuộc.

*Ví dụ: Unit 3: Community service- Lesson 7: Looking back , Tiếng Anh 7,* Giáo viên có thể dùng “Brainstorming” trong hoạt động 2: Creative word web. Giáo viên chia lớp ra thành 4 đội và yêu cầu các đội viết các hoạt động vì lợi ích cộng đồng mà các em đã học. Giáo viên cho các đội viết đáp án vào giấy A3 do giáo viên hoặc học sinh chuẩn bị trước trong vòng 1 phút. Sau đó, giáo viên dán đáp án của học sinh trên bảng và cùng sửa với học sinh. Đội nào được nhiều đáp án đúng hơn sẽ thắng tròchơi.

help the poor

donate books provide food

help disabled people help homeless people

donate blood provide education

help elderly

***c. Trò chơi Rub out and Remember:***

Sau khi giới thiệu từ mới chúng ta có thể áp dụng trò chơi này để kiểm tra mức độ nhớ từ của học sinh, Giáo viên lần lượt xóa các từ vừa mới dạy trên bảng nhưng không theo thứ tự. Sau khi xóa hết cho học sinh đọc đồng thanh lại các từ đó. Sau khi tất cả các từ bị xóa hết yêu cầu học sinh lên bảng ghi lại tất cả các từ vừa bị xóa.

***d. Trò chơi What and Where:***

Trò chơi này chơi gần tương tự như trò chơi Slap the board nhưng trước khi chỉ vào từ, giáo viên yêu cầu học sinh phải nêu được nghĩa của từ đó. Giáo viên viết từ vừa giới thiệu vào các vòng tròn trên bảng, cho học sinh đọc và xóa dần các từ, sau đó yêu cầu học sinh viết lại từ đúng vị trí cũ củanó.

***e. Trò chơi Broken Telephone:***

Đây là trò chơi rèn luyện kỹ năng nghe và phát âm. Giáo viên phải viết ra một mẫu câu hoặc một cum từ nào đó rồi gọi một học sinh lên bảng xem. Sau đó học sinh sẽ về chổ ngồi của mình và nói thầm với thành viên bên cạnh mẫu câu hoặc cụm từ đó. Cứ thế học sinh nói thầm cho nhau nghe. Mỗi người chỉ được phép yêu cầu bạn mình nhắc lại 1 lần. Người cuối cùng của nhóm sẽ đọc to mẫu câu hoặc cụm từ đó lên. Giáo viên sẽ đọc đáp án. Đội nào truyền đạt chính xác hơn sẽ thắngcuộc.

**3. Kết hợp các trò chơi trong quá trình thực hành, củng cốbài**

Đây là một phần bài học nhằm nâng cao các kĩ năng nghe, nói, đọc và viết của học sinh trong quá trình học ngoại ngữ thông qua các bài tập thực hành trong sách giáo khoa. Việc kết hợp các trò chơi trong phần này thường rất ít. Song cũng để giảm bớt sự căng thẳng, tẻ nhạt trong tiết học sự kết hợp các trò chơi cũng không phải không thể thực hiện được. Đôi khi chúng cũng có thể làm cho học sinh hiểu bài hơn hoặc nhớ được lâu hơn những từ vựng, mẫu câu và các cấu trúc ngữ pháp đã được giới thiệu trước đó. Các trò chơi có thể áp dụnglà:

***a. Trò chơi Lucky numbers:***

*Ví dụ: Trong phần b. Answering the questions tiết Getting started, Unit 7: Traffic, Tiếng Anh 7* để trả lời các câu hỏi về bài đọc giáo viên cũng có thể tổ chức trò chơi này.

* 1. What did Mai do on Sundaymorning?
  2. LUCKYNUMBER.
  3. Who does Mai usually go to schoolwith?
  4. How far is it from Mai’s house toschool?
  5. LUCKYNUMBER.
  6. How does she go to school when her dad isbusy?
  7. Why does it sometimes take Mai longer to get toschool?
  8. LUCKYNUMBER.

***b. Trò chơi Find someone who:***

Sử dụng trò chơi này để khắc sâu các mẫu câu, cấu trúc câu hoặc một đơn vị ngữ pháp trong bàihọc.

*Ví dụ: Để khắc sâu kiến thức thì Tương lai tiếp diễn ở phần A Closer Look 2 - Grammar, Unit 10 Tiếng Anh 6* giáo viên có thể cho học sinh thực hiện trò chơi này. Học sinh có thể đi quanh lớp để hỏi các câu hỏi để hoàn thành bảng của mình.

S1: Do you like cycling?



|  |  |
| --- | --- |
| **Find someone who likes…** | **Name** |
| ........ cycling |  |
| .........taking photos |  |
| .........arranging flowers |  |
| ......... skating |  |

S2: Yes, I do

S1: What’s your name? S2: My..name’s.......

***c.Trò chơi Noughts and Crosses:***

Đây là trò chơi thường được áp dụng trong phần luyện tập nâng cao khi học sinh đã hoàn thành các nhiệm vụ của các bài tập trong sách giáo khoa.Trò chơi này giúp học sinh luyện tập mở rộng các từ mới và các cấu trúc đã được luyện tập có kiểm soát theo nội dung định sẵn trướcđó.

Giáo viên chuẩn bị một khung ô trên bảng như trò chơi cờ caro. Điền số thứ tự vào mỗi ô của khung. Lớp học được chia đều thành hai đội chơi. Một đội dùng kí hiệu

“Nought” (0) và đội kia dùng “crosses” (X). Mỗi bên sẽ lần lượt chọn số và trả lời câu hỏi phía sau mỗi ô.

Với một câu trả lời đúng, giáo viên yêu câu đội đó điền (0) hay (X) vào khung. Đội đầu tiên đạt được 3 dấu (0) hoặc (X) trên cùng một hàng sẽ là đội thắng. Giáo viên có thể chọn một chủ để chung nào đó hoặc chọn trong sách giáokhoa.

Ví dụ 1: Sau khi học một bài về sở thích “Hobby”( Unit 1- Tiếng Anh 7) giáo viên có thể hỏi những học sinh một số câu hỏi về bài đó.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 |
| 4 | 5 | 6 |
| 7 | 8 | 9 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| O |  | O |
|  | O |  |
| X | X | X |

Câu hỏi:

1. When did the writer start hishobbies?
2. What is the writer’shobby?
3. What had he alwayswanted?
4. Which book did he startwith?
5. What did reading books help him to learnabout?
6. According to him, what is the wonderful thing aboutreading?
7. Did his father love reading fairy tales tohim?
8. Do you like reading books?Why?
9. Do you think that reading books is always good?Why?

**d. Trò chơi Sơ đồ tưduy:**

Đây là một sơ đồ nhằm trình bày một cách rõ ràng những ý tưởng hay kết quả làm việc của nhóm hay cá nhân về một chủ đề.

Lập sơ đồ tư duy là một cách thức cực kỳ hiệu quả để ghi chú. Các sơ đồ tư duy không chỉ cho thấy các thông tin mà còn cho thấy cấu trúc tổng thể của một chủ đề và mức độ quan trọng của những phần riêng lẻ trong đó đối với nhau. Nó giúp bạn liên kết các ý tưởng và tạo các kết nối với các ý khác.Vì vậy đây là một kỹ thuật phù hợp để giáo viên tổng kết lại toàn bộ bài học, và càng hiệu quả hơn khi giáo viên tạo kỹ thuật này trở thành trò chơi. Giáo viên có thể chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu mỗi nhóm hoàn thành sơ đồ tư duy một cách nhanh nhất. Nhóm nào có kết quả nhanh nhất và chính xác nhất sẽ là nhóm chiến thắng.

Ví dụ: Unit 6- Lesson 1- Getting started+ Listen and read (Tiếng Anh 9): Giáo viên có thể sử dụng bản đồ tư duy để củng cố kiến thức bài học .

**II.Tháng 12/2019:SỬ DỤNG CÓ HIỆU QUẢ ACTIVBOARD VÀ ACTIVINSPIRE TRONG DẠY HỌC MÔN TIẾNG ANH THCS**

***A. LÀM QUEN VỚI BẢNG TƯƠNG TÁC ACTIVBOARD***

**I - SỬ DỤNG BÚT ACTIVPEN:**

**1. Di chuyển con trỏ:**

Đặt ngòi bút của Activpen nhẹ nhàng lên bảng; đừng đẩy ngòi bút thụt vào.Di chuyển ActivPen vòng quanh. Con trỏ sẽ di chuyển theo bút.

**2. Tính năng chuột trái:**

Gõ nhẹ đầu bút Activpen một cách chắc chắn nhưng nhanh vào bảng Activboard.

**3. Tính năng chuột phải:**

Rê đầu bút Activpen lên bảng Activboard, cách bảng ít hơn 1 cm. Nhấn vào nút tròn duy nhất bên thân cây bút.

**4. Drag bút:**

Nhấp vào đối tượng mà bạn muốn di chuyển, giữ cho đầu Activpen hướng xuống bảng và sau đó là di chuyển bút. Đối tượng mà bạn đã nhấp sẽ di chuyển cùng với Activpen.

**5. Nhấp đúp:**

Nhấp đầu Activpen nhanh và nhẹ để thực hiện hành động tương tự như nhấp đúp chuột.

**II - TINH CHỈNH BẢNG ACTIVBOARD:**

🟑**Phương pháp 1:**

1. Rê bút Activpen lên đèn hiệu chỉnh nằm ở bên góc trái trên cùng của bảng Activboard trong vài giây.
2. Làm theo những hướng dẫn trên màn hình

🟑**Phương pháp 2:**

1. Nhấp chuột phải vào biểu tượng **Activmanager** ở góc đáy bên tay phải của hiển thị.
2. Chọn Calibrate.
3. Làm theo những hướng dẫn trên màn hình.

Kiểm tra xem đầu bút đã khớp với con trỏ trên màn hình hay chưa, nếu chưa hãy thử phương pháp 3.

🟑**Phương pháp 3:**

Trên máy tính:

1. Nhấp chuột phải vào biểu tượng ActivManager ở góc đáy bên tay phải của hiển thị.
2. Chọn Calibrate
3. Một khi chương trình tinh chỉnh khỏi động, di chuyển đến bảng và theo những hướng dẫn trên màn hình.

Sau khi tinh chỉnh, hãy kiểm tra xem đầu Activpen có khớp với con trỏ hay không.Nếu không, thiết lập lại bảng bằng cách tắt nguồn trong vòng 30 giây.Sau đó bật lên và thử tinh chỉnh lại lần nữa hoặc liên hệ với bộ phận hỗ trợ kĩ thuật.

***B.HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT PHẦN MỀM ACTIVINSPIRE***

**Bước 1**: Đặt đĩa CD ActivInspire vào ổ đĩa CD-ROM

**Bước 2**: Nhấp đôi chuột vào file cài đặt **ActivInspire.exe**🡪 Xuất hiện cửa sổ InstallShield Wizard

**Bước 3**: Nhấp **Next**🡪 Nhấp vào tuỳ chọn **I accept the terms in license agreement**🡪 Nhấp **Next**

* Nếu muốn thay đổi thư mục cài đặt phần mềm ActivInspire (mặc định là ở ổ đĩa C:\Program Files\ Activ Software\ Inspire\) nhấp nút **Change** (mục 1)
* Nếu muốn thay đổi thư mục cài đặt thư viện của phần mềm ActivInspire (mặc định là ở ổ đĩa C:\Documents and Settings\ All Users\ Documents\ Activ Software\ Inspire\) nhấp nút **Change** (mục 2)

Sau đó nhấp **Next** để chuyển qua bước tiếp theo.

**Bước 4**: Nhấp vào nút **Install** để tiến hành cài đặt phần mềm ActivInspire.

* Đợi cho đến khi việc cài đặt kết thúc.

**Sau khi hoàn tất việc cài đặt sẽ có biểu tượng phần mềm ActivInspire xuất** hiện trên màn hình desktop.

**Bước 5**: Double click vào **biểu tượng ActivInspire** để khởi động phần mềm.

* Khi vận hành phần mềm sẽ xuất hiện bảng yêu cầu nhập tên người dùng, tên đơn vị và số đăng ký (serial number)
* Nhấp vào tuỳ chọn **I accept the terms of this license**
  + Nhấp vào nút Run Personal để sử dụng phiên bản miễn phí cá nhân.
  + Nhấp vào nút Trial để sử dụng thử nghiệm phần mềm ActivInspire.
  + Gọi điện đến bộ phận chăm sóc khách hàng của Công ty CP Mạng trực tuyến Việt Sin 08.3.5119242 – 43 – 44 để lấy số đăng ký bản quyền sử dụng phần mềm.
  + Hoặc Nhập Key bản quyền cá nhân theo hướng dẫn:

Use Name: Dinh Tien Viet

Organization: Dong Hung

Serial number: 0015-2719-6747-4937-8557

Đánh dấu ۷ vào ô vuông đầu câu I accept the tems of this license

Và OK

***C.HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG PHẦN MỀM ACTIVINSPIRE\_ STUDIO***

**PHẦN IV. CÁC CÔNG CỤ THƯỜNG ĐƯỢC SỬ DỤNG**

ActivInspire\_Studio gồm có nhiều công cụ giúp giáo viên tạo ra những bài giảng phong phú nhằm thu hút sự thích thú trong học tập của học sinh.

1. **Thiết bị ghi âm thanh (Sound Recorder):**

Công cụ này cho phép ghi lại âm thanh thành một tập tin hoặc đưa vào trang flipchart.

* Cách thức: Trong hộp công cụ Thiết bị ghi âm thanh, nhấp chuột vào biểu tượng Ghi (Record) màu đỏ để bắt đầu ghi âm thanh. Sau đó, có thể sử dụng biểu tượng Tạm dừng (Pause) hoặc Dừng (Stop) vào bất kỳ lúc nào.

Để ghi lời nói, phải có một microphone thích hợp nối với hệ thống.

* Có thể tuỳ chỉnh: Tệp tin (File) / Thiết lập (Settings…) / Dữ liệu đã ghi (Recordings) / Ghi âm thanh (Sound recording).

**2**. **Thiết bị ghi màn hình (Screen Recorder):**

Công cụ này cho phép ghi lại bất kỳ thứ gì đang diễn ra trên màn hình một tập tin video (\*.AVI) mà nó có thể được giữ lại trên trang flipchart hoặc lưu vào một thư mục tuỳ ý.

* Cách thức: Nhấp chuột vào biểu tượng Ghi (Record) màu đỏ và nhập tên tệp tin. Hoặc ban đầu chọn định dạng quay video và tỉ lệ nén âm thanh, sao đó bắt đầu ghi. Nhấp chuột vào nút Dừng (Stop) màu đen để kết thúc ghi.

- Có thể tuỳ chỉnh: Tệp tin (File) / Thiết lập (Settings …) / Dữ liệu đã ghi (Recordings).

**3. Băng giấy (Tickertape):**

Một công cụ trình bày cho phép tạo ra một dòng thông báo cuộn như một băng giấy cuộn theo 1 trong 3 vị trí (trên cùng, giữa, dưới cùng) của bảng.

* Cách thức: khi chọn công cụ này, một Băng giấy mặc định sẽ chạy qua màn hình. Sử dụng cửa số Hiệu chỉnh băng giấy để nhập thông tin và thay đổi thuộc tính của nó.

- Có thể tuỳ chỉnh những thuộc tính của băng giấy như màu sắc, tốc độ, màu nền, vị trí.

**4.Đồng hồ (Clock):**

Sử dụng công cụ này trong bài giảng về thời gian hoặc để sử dụng làm đồng hồ bấm giờ hoặc đếm ngược trong các hoạt động có tính giờ.

* Cách thức: Chọn đồng hồ đếm ngược, đếm xuôi hoặc tuỳ thích.
* Có thể tuỳ chỉnh: Tệp tin (File) / Thiết lập (Settings…) / Công cụ đồng hồ (Clock tool).

**5.Máy ảnh (Camera):**

Công cụ này cho phép tạo ra một hình chụp nhanh những gì có trên màn hình và đưa nó vào trang flipchart, bảng nhớ tạm hoặc vào thư mục Tài nguyên dùng chung hoặc Tài nguyên của tôi. Có nhiều tuỳ chọn cho phép tuỳ chỉnh kích thước và hình dạng của hình chụp nhanh.

* Cách thức: Chọn loại hình chụp nhanh xổ xuống từ trình đơn. Sau đó chọn địa điểm để lưu hình từ cửa sổ Hình máy ảnh chụp nhanh (Camera Snapshot).

+ Chụp nhanh khu vực (Area Snapshot): Một ô được tô đậm sẽ được hiển thị. Nhấp chuột vào trong ô và kéo nó để di chuyển và thay đổi các số đo bằng các cạnh.

+ Hình chụp nhanh điểm tới điểm (Point to Point snapshot): Nhấp chuột và kéo, kẻ các đường thẳng để bao quanh một khu vực có viền được tô đậm trên màn hình màu xám nhạt dần. Không thể di chuyển hoặc chỉnh sửa khu vực vừa kẻ nếu làm sai, chỉ cần đóng cửa sổ Hình máy ảnh chụp nhanh (Camera Snapshot) và thử lại.Máy ảnh được kích hoạt khi viền xong.

+ Hình chụp nhanh bằng tay (Freehand snapshot): Nhấp chuột và vẽ để bao quanh một khu vực có viền được tô đậm trên màn hình màu xám nhạt dần. Không thể di chuyển hoặc chỉnh sửa khu vực vừa vẽ nếu làm sai, chỉ cần đóng cửa sổ Hình máy ảnh chụp nhanh (Camera Snapshot) và thử lại.

+ Hình chụp nhanh cửa sổ (Window snapshot): Chụp cửa sổ ActivInspire.

+ Chụp toàn màn hình (Fullscreen snapshot): Chụp toàn màn hình.

**6.Bộ hiển thị (Revealer):**

Che kính trang trình bày và hiển thị trang từ một trong bốn hướng: bên trên, bên dưới, bên phải, bên trái.

* Cách thức: Bộ hiển thị là một nút chuyển đổi. Hiển thị các đối tượng ẩn bằng cách nhấp chuột và kéo màn che từ trên cùng, dưới cùng, bên phải, bên trái.
* Có thể tuỳ chỉnh: Tệp tin (File) / Thiết lập (Settings …) / Hiệu ứng (Effects).

**7.Đèn chiếu (Spotlight):**

Đèn chiếu là một công cụ trình bày.Nó bao phủ một phần của trang flipchart, cho nên chỉ nhìn thấy được một phần. Giúp thu hút sự chú ý của học sinh.

* Cách thức: Cung cấp một lớp phủ lên trang trình bày hoặc desktop.

+ Di chuyển bằng cách kéo bất kỳ phần nào của khu vực được phủ.

+ Định cỡ bằng cách kéo bất kỳ phần nào của chu vi đèn chiếu.

+ Khi sử dụng đèn chiếu có thể tiếp tục tương tác với bất kỳ khu vực nào nhìn thấy được trên trang.

**8. Chú giải trên màn hình (Desktop Annotate):**

Desktop máy tính trở thành nền của trang flipchart.Hộp công cụ chính vẫn được mở.Có thể mở các ứng dụng trên máy tính và sử dụng các công cụ của ActivInspire.Những đối tượng tạo ra trên trang flipchart luôn là một lớp phủ trên desktop, chúng sẽ không ở trên desktop nữa khi tắt bảng lật desktop.Nếu lưu bảng lật nó sẽ không có hình của desktop.

**D. CÁC TRÌNH DUYỆT CỦA ACTIVINSPIRE\_STUDIO**

**Có 7 trình duyệt trong ActivInspire:**

* Trình duyệt trang (**Page Browser**)
* Trình duyệt tài nguyên (**Resource Browser**)
* Trình duyệt đối tượng (**Object Browser**)
* Trình duyệt ghi chú (**Note Browser**)
* Trình duyệt thuộc tính (**Properties Browser**)
* Trình duyệt thao tác (**Action Browser**)
* Trình duyệt biểu quyết (**Voting Browser**)

**I/. Trình duyệt trang( Page Browser ) :** giúp nhanh chóng kết hợp các cơ sở cho trang **Flipchart**.

1. **Chọn một số trang:**

- Nhấp vào hình nhỏ của trang đầu tiên.

- Nhấn phím **Shift** và nhấp vào hình nhỏ của trang cuối cùng.

1. **Chọn các trang riêng lẻ:**

- Nhấn **CTRL** và nhấp vào hình nhỏ của trang đầu tiên.

- Nhấn và giữ phím **CTRL** và nhấp vào hình nhỏ của các trang kia.

Ví dụ này cho thấy các hình nhỏ bên trái, bên phải ở hàng trên và hình giữa ở hàng dưới đã được chọn.

Lúc này nhấp phải chuột để sẵn sàng di chuyển: cắt, sao chép, dán, nhân đôi hoặc xóa các trang đã chọn.

**II/. Trình duyệt tài nguyên (Resource Browser ) :**

Trình duyệt này giúp nhanh chóng xem, định hướng và sử dụng các tài nguyên được cung cấp cùng **ActivInspire** để làm giàu **Flipchart**. Thư viện Tài nguyên có rất nhiều trò chơi và các hoạt động, chú giải, đánh giá, hình nền, các bản đồ khái niệm, hình ảnh, hình dạng, âm thanh và những hạng mục khác …

***Sử dụng Trình duyệt Tài nguyên để:***

* Nhanh chóng định hướng đến và xem tất cả các tài nguyên trong một thư mục cụ thể, ví dụ như Tài nguyên Của tôi (**My Resources**) , Tài nguyên Dùng chung (**Shared Resources**) hoặc những địa điểm khác trên máy tính
* Hiển thị các hình nhỏ và tên tập tin của các tài nguyên đã chọn trong trình duyệt.
* Kéo và thả các tài nguyên chẳng hạn như  mẫu trang, các trang hoạt động và các trang câu hỏi từ trình duyệt vào bảng lật.
* Kéo và thả tài nguyên từ một trang bảng lật vào một thư mục trong Thư viện Tài nguyên.

**III/. Trình duyệt đối tượng (Object Browser ) :**

**Có tất cả 4 tầng trong trang Flipchart:**

- Tầng trên cùng: các đối tượng được tạo ra bởi các công cụ **Bút** (Pen), **Bút dạ quang** (**Highlight**), **Mực thần kỳ** (Magic Ink**)** ,**Đầu nối** (Connector) .

- Tầng giữa gồm: hình ảnh, hình dạng và các đối tượng văn bản.

- Tầng dưới cùng: có thể kéo và thả các đối tượng khác lên tầng này.

- Tầng nền: nền, lưới và màu trang. Cũng có thể kéo đối tượng xuống tầng này.

Nhấp chuột vào trên thanh để vào trình duyệt đối tượng (Object Browser)

Trong trình duyệt đối tượng hiển thị tất cả các đối tượng có trên trang **Flipchart** dưới dạng biểu tượng đã tạo ra chúng và tên đối tượng.

Trình duyệt hiện rõ đối tượng nào ở tầng trên (**Top layer**), tầng giữa (**Middle layer**) và tầng dưới cùng (**Bottom layer**).

**BỒI DƯỠNG NỘI DUNG 3:**

**A. Nội dung bồi dưỡng:**

Học tập và nghiên cứu các Module 16,17,24,35 *.*

**2. Thời gian bồi dưỡng:Từ** tháng 1 năm 2017 đến tháng 3 năm 2017

- Module 16,17: Tháng 1 năm 2017

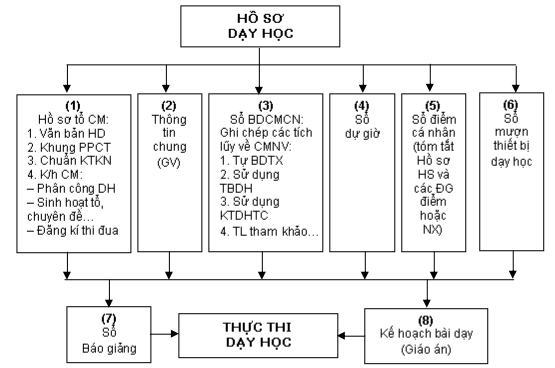
- Module 24 : Tháng 2 năm 2017

- Module 35 : Tháng 3 năm 2017

**MODULE THCS16 :HỒ SƠ DẠY HỌC CỦA GV**

***I.XÂY DỰNG HỒ SƠ DẠY HỌC***

**1. Hệ thống hồ sơ dạy học & các chức năng của từng loại hồ sơ:**



**2. Quy trình xây dựng hồ sơ dạy học:**

**Quy trình xây dựng hồ sơ dạy học** gồm các bước:

Bước 1: Tổ chuyên môn thảo luận trao đổi về các văn bản chỉ đạo của các cấp, xây dụng kế hoạch tổ chuyên môn bao gồm: chương trình, sách giáo khoa, khung phân phối chương trình, chuẩn kiến thức kỉ năng của chương trình, khung ma trận đề kiểm tra, những vấn đề về sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học, những vấn đề về phương pháp dạy học, các kĩ thuật dạy học tích cực...

Bước 2: Hoàn thiện các thông tin chung.

Bước 3: Tìm hiểu và cập nhât sổ bồi dưỡng chuyên môn cá nhân: Khung phân phối chương trình, các chuẩn kiến thức kỉ năng, sử dụng thiết bị dạy học, sử dụng kỉ thuật dạy học tích cực...

Bước 4: Tìm hiểu và cập nhật sổ dự giờ, sổ mượn thiết bị dạy học, xây dựng sổ điểm cá nhân.

Bước 5: Xây dựng kế hoạch bài dạy. Dựa vào thời khoá biểu để xây dựng sổ báo giảng.

1. ***Đối với giáo viên bộ môn:***Hệ thống hồ sơ, sổ sách bao gồm:

1. Giáo án (bài soạn).

2. Sổ kế hoạch giảng dạy và ghi chép sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, thăm lớp

3. Sổ báo giảng.

4. Sổ điểm cá nhân.

5. Sổ dự giờ, thăm lớp.

6. Sổ Hội họp và ghi chép sinh hoạt tổ chuyên môn.

b)***Đối với GV giáo viênchủ nhiệm:*** Các loại hồ sơ, sổ sáchgồm có:

1. Sổ kế hoạch chủ nhiệm: thực hiện theo mẫu .

2. Sổ gọi tên và ghi điểm của lớp Chủ nhiệm:

3. Sổ ghi đầu bài:

4. Sổ ghi biên bản Sinh hoạt lớp

**c) *Đối với GV làm công tác kiêm nhiệm:*** Như Tổ trưởng chuyên môn, GV thư viện, GV thiết bị, Chuyên trách Đoàn - Đội … các loại hồ sơ, sổ sáchcòn phải có nhiều loại khác nữa chuyên theo công việc của mỗi người.

***II.SỬ DỤNG,BẢO QUẢN VÀ BỔ SUNG HỒ SƠ DẠY HỌC***

**1. Sử dung hồ sơ dạy học:**

- Giáo án được GV xây dựng, cập nhật thường xuyên và sử dụng trong quá trình dạy, được nhà trường kiểm tra thường xuyên theo quy định.

- Sổ báo giảng được cập nhật trước ít nhất 1 tuần khi dạy, GV và viên chức thiết bị dạy học căn cứ để chuẩn bị các điều kiện bài dạy.

- Sổ mượn thiết bị dạy học cũng được cập nhật trước ít nhất 1 tuần khi dạy, GV và viên chức thiết bị dạy học căn cứ để chuẩn bị các điều kiện bài dạy.

- Sổ dự giờ được GV sử dụng và cập nhật thường xuyên theo quy định.

- Sổbồi dưõng chuyên môn được GV ghi chép và cập nhật thường xuyên.

Tất các các sổ sách, kế hoạch trong hồ sơ dạy học được nhà trường kiểm tra thường xuyên và đột xuất.

**2. Bảo quản hồ sơ dạy học:**

- GV có trách nhiệm cập nhật và bảo quản giáo án, sổ báo giảng, sổ dự giờ, sổ bồi dưỡng chuyên môn.

- Tổ trưởng chuyên môn bảo quản kế hoạch của tổ chuyên môn

- GV và viên chức thiết bị dạy học cập nhật và bảo quản sổ thiết bị dạy học

Tất cả các sổ sách, kế hoạch trong hồ sơ dạy học được GV và nhà trường bảo quản theo quy định.

**3. Cập nhật, bổ sung cho hồ sơ dạy học:**

Tất cả các sổ sách, kế hoạch trong hồ sơ dạy học được GV cập nhật bổ sung theo quy định.

**III.ỨNG DỤNG CNTT VÀ LƯU GIỮ HỒ SƠ DẠY HỌC**

**1). Các mức độ ứng dụng CNTT**

***- Mức l****: ứng dụng CNTTtrợ giúp GV một số thao tác nghề nghiệp:*

***- Mức 2****: ứng dụng CNTT hỗ trợ một khâu trong quá trình dạy học.*

***- Mức 3****: ứng dựng CNTT hổ trợ việc tổ chức hoạt động dạy học một số chủ đề theo chương trình dạy học.*

***- Mức 4****: tích hợp CNTT vào toàn bộ quá trình dạy học.*

***- Mức 5****: ứng dựng CNTT vào dạy học qua mô hình e-learning:*

**2). Ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng, bổ sung thông tin và lưu trữ kế hoạch dạy học (giáo án, bài giảng).**

**a.Khái niệm kế hoạch bài học điện từ (giáo án điện từ)**

**b.Quy trình xây dựng giáo án điện tử**

- Tìm hiểu nội dung bài dạy, xác định mục tiêu bài học

- Viết kịch bản Sư phạm cho việc thiết kế giáo án trên máy

- Xây dựng các thư viện tư liệu

- Thể hiện kịch bản trên máy vi tính

- Thể nghiệm, sửa chữa và hoàn thiện

- Viết bản hướng dẫn

c.**Sử dụng phần mềm thiết kế bài giảng điện tử trong dạy học trực tuyếntrên mạng internet.**

Một trong những khâu quan trọng nhất của dạy học trực tuyến là việc xây dựng nội dung dành cho từng khoá học cụ thể. Nội dung này được xây dựng dựa trên nền tảng của web và Internet. Hiện nay nội dung các bài giảng điện tử của hệ thống *e-learning* chú yếu được xâydựng trên các phần mềm như: ProntPage, Script, :

**MODULE THCS17 :TÌM KIẾM, KHAI THÁC, XỬ LÍ THÔNG TIN PHỤC VỤ BÀI GIẢNG**

### *I.NHỮNG THÔNG TIN CƠ BẢN PHỤC VỤ BÀI G**IẢNG*

### 1.Các khái niệm cơ bản

a.Thông tin

b. Công nghệ thông tin và truyền thông

**2. Vai trò của công nghệ thông tin trong sự phát triển xã hội**

- Vai trò đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

- Vai trò đối với phát triển kinh tế, xã hội

- Vai trò đối với việc quản lý xã hội

**3. Tác động của CNTT và truyền thông đối với giáo dục**

a.. Thay đổi mô hình giáo dục

b. Thay đổi chất lượng giáo dục

c.. Thay đổi phương thức quản lý

Khi máy tính chưa ra đời, công nghệ thông tin chưa phát triển, công tác

***4.Cách khai thác thông tin phục vụ cho soạn giảng giáo án điện tử trên Internet.***

**a. Tìm kiếm thông tin bằng website Google:**

 - Sử dụng trình duyệt Internet Explorer và gõ vào địa chỉ: [http://www.google.com](http://www.google.com/) ) hoặc [http://www.google.com.vn](http://www.google.com.vn/) (trang Google Việt Nam)

**b. Một số trang Web phục vụ cho dạy và học.**

Trang Web thư viện bài giảng: [http://baigiang.bachkim.vn](http://baigiang.bachkim.vn/)

Trang Web dạy học trực tuyến: [http://elearning.ioit-hcm.ac.vn](http://elearning.ioit-hcm.ac.vn/)

Mạng giáo dục edunet: [http://www.edu.net.vn](http://www.edu.net.vn/)

**c,Lưu các địa chỉ thường dùng trong Favorites.**

Để làm được điều này chúng ta Add tên các trang Web vào menu Favorites:B1: Mở trang Web cần Add.B2: Vào menu Favorites chọn Add to Favorites OK. Cách sử dụng: Khi cần mở trang Web đã có trong Fovorites ta chọn menu Fovorites  chọn tên trang Web cần mở.

**d.Một số thao tác cơ bản sử dụng Internet Explorer**

Để có thể khai thác, sử dụng các dịch vụ trên internet hiệu quả, trước hết người sử dụng cần nắm được một số thao tác cơ bản với trình duyệt:

- Khởi động trình duyệt

- Mở một trang Web trên Internet

- Lưu địa chỉ một trang Web vào Fovorites

- Mở một trang Web đã lưu trong Fovorites

- Lưu nội dung một trang Web

- Mở một trang Web trong một của sổ mới

- Quay lại nhanh đến một trang Web mới truy cập

- Làm tươi một trang Web: Refresh hoặc F5

- Xóa một trang Web đã vào trong History

- Đặt trang Home cho trình duyệt

- Bật tắt chế độ hiển thị hình ảnh trong trang Web

- In, sao chép một phần trang Web

- In trang Web

- Xóa đi những địa chỉ Website đã truy cập còn lưu lại trong khung address của Internet Explorer

Đọc thêm:

1. Sử dụng dịch vụ thư điện tử Gmail

2.Trò chuyện qua mạng (chat)

**e.. Tìm kiếm thông tin trên Internet**

Để tìm kiếm thông tin trên Internet, chúng ta phải sử dụng các công cụ tìm kiếm (máy tìm kiếm). Google là công cụ tìm kiếm hữu ích và mạnh mẽ nhất trên Internet hiện nay.

Cách tìm kiếm với google:

- Truy nhập vào địa chỉ: <http://www.google.com.vn/> hoặc <http://www.google.com/>

- Tìm kiếm cơ bản: Nhập từ khóa. Có thể gõ tiếng việt theo mã Unicode.

- Tìm kiếm nâng cao, chuyên biệt:

+ Tìm kiếm theo kiểu tập tin

+ Tìm kiếm theo địa chỉ website

+ tìm kiếm theo tiêu đề cư trang web

+ Tìm kiếm hình ảnh

+ Tìm kiếm VIDEO

**f. Thư điện tử (Email)**

Thư điện tử, hay email (electronic mail) là một hệ thống gửi – nhận thư qua mạng máy tính.

***II. CÁC BƯỚC CƠ BẢN TRONG THỰC HIỆN PHƯƠNG PHÁP TÌM KIẾM THÔNG TIN PHỤC VỤ BÀI GIẢNG***

**1. Kỹ năng tìm kiếm thông tin phục vụ bài giảng**

\*.Kỹ năng vượt qua rào cản ngôn ngữ

- Dịch một trang web

- Sử dụng trang Vdict.com để dịch thuật

**2. Cách tìm văn bản và lấy văn bản từ Internet**

- Copy văn bản từ các trang web

Nếu muốn copy nội dung của một trang web được bảo vệ, có thể sử dụng một trong số các cách sau:

1/ Select/Copy/Paste: Dùng chuột hoặc dùng phím tắc chọn nội dung, copy và paste vào một trình soạn thảo nào đó (MS Word chẳng hạn).

2/ View Source (Alt + V + C hoặc Menu View/Source), copy code HTML và paste vào Web Editor nào đó (Frontpage chẳng hạn).

3/ View Source bằng lệnh: view-source. Cú pháp: view-source:http://www.ten\_trang\_web.com/ten\_file.com.

4/ Dùng Web Editor để open file tương ứng trong "C:Documents and Settings[User]Local SettingsTemporary Internet Files" (trong trường hợp dùng IE). Vì cơ chế hoạt động của Web browser là lưu tạm thời các file sử dụng cho một trang web vào thư mục tạm thời và gọi file đó khi cần thiết.

5/ Chụp hình màn hình (dùng phím Print Screen trên bàn phím), paste vào Photo Editor nào đó (MS Paint, Adobe Photoshop, ...) và lưu nội dung lại dưới dạng file hình ảnh.

6/ Dùng chương trình download web (Teleport Pro chẳng hạn), rồi dùng Web Editor để mở ra.

7/ Tự lập trình viên viết chương trình để đọc nội dung trang web, save lại dạng file text và edit. Việc viết chương trình như vậy cũng không khó cho một Lập trình viên lập trình mạng.

**3. Cách tìm và lấy ảnh và từ Internet**

Cách tìm kiếm thông tin trên Internet với Google; Wikipedia; Yahoo,… trong đó các trang<http://www.google.com.vn>; <http://www.wikipedia.org> ; <http://www.youtube.com>;...là những công cụ tìm kiếm khá phổ biến, thuận lợi và hữu ích.

**\* Tìm kiếm tư liệu trên Internet với** [**http://www.google.com.vn**](http://www.google.com.vn)

a/ Tìm kiếm tư liệu văn bản

**-** Kích đúp biểu tượng Internet Explorer trên desktop để mở trang Internet, gõ địa chỉ <http://www.google.com.vn> vào ô Addresss 🡪 Enter.

- Giao diện của Google xuất hiện. **Gõ cụm từ chìa khoá** (trong dấu kép) cần tìm kiếm vào, ví dụ: “Văn minh Sông Hồng”, “Gandhi”,…🡪**Enter**.

Để lưu lại nội dung bài viết trên trang web này thì **dùng chuột bôi đen nội dung cần lưu 🡪 kích chuột phải 🡪 copy** rồi mở trang word để dán vào (**paste)** vào hoặc chọn **File 🡪 Save as…**🡪 chọn đường dẫn (Save in) để lưu vào máy tính hay USB 🡪 gõ tên tài liệu vào ô **file name** (gõ không dấu)🡪**Save.**

**b/ Tìm kiếm tư liệu tranh, ảnh, bản đồ…**

**-** Sau khi vào trang tìm kiếm Google, thay vì chọn Web để tìm các bài viết thì chọn **Hình ảnh** để tìm hình ảnh rồi nhập từ chìa khoá cần tìm 🡪**Enter**.

- Trang web sẽ xuất hiện các hình ảnh liên quan đến từ chìa khoá với các kích cỡ khác nhau, nên chọn cỡ **Trung bình** hoặc **Lớn** trong khung **Hiển thị** (với các cỡ ảnh từ 50Kb trở lên mới có thể sử dụng tốt trong dạy học).

- Kích chuột phải vào hình lớn 🡪 kích vào **Save Picture As** (hay kích vào biểu tượng Save ở góc trên, trái của hình) 🡪 chọn đường dẫn đến nơi lưu trên máy tính hay USB (Save in), đặt lại tên trong ô File name (nếu cần) 🡪**Save**.

**- Tìm kiếm phim:**

1/Cách tìm một bộ phim

Để tìm một bộ phim, ta có thể làm cách sau:Vào [www.google.com](http://www.google.com/), search tối ưu, truy tìm tận gốc link. Ví dụ, tôi muốn tìm bộ phim Tân Thủy Hử, tôi gõ dòng sau: **"tan thuy hu (.mediafire)"**, khi đó nó sẽ xuất ra cả đống trang web có link cho mình tải về. Muốn tải phim đó dạng .torrent thì ta search **"tan thuy hu (.torrent)"**.

2/ Cách tải một bộ phim về máy tính

+ Với phim có dung lượng bậc trung, chừng 1GB đổ lại thì ta có thể dùng IDM (một phần mềm hỗ trợ dowload thông minh) để tải nhanh về máy. Link dowload IDM: [IDM](http://www.mediafire.com/?hvtmowty1yz) (bản full 5.18) hoặc [Internet Download Manager(IDM) 6.05](http://www.mediafire.com/?ryqau4z2k8qs6gt)(bản full 6.05)

3/ Cách xem một bộ phim

+ Phần mềm xem tất cả các file phim: [GOM Media Player](http://download.cnet.com/GOM-Media-Player/3000-13632_4-10551786.html?part=dl-GOMMediaP&subj=dl&tag=button)(Nó tương thích với Hệ điều hành Microsoft Windows 98SE, Me, 2000, XP, 2003, Vista or Windows 7)

+ Phần mềm chia & ghép phim nhỏ gọn [HJ-Split](http://www.taiphanmem.org/download/1352)

**4. Tìm kiếm nhạc**

- Cách lấy nhạc:

1. Download thủ công

2. Sử dụng các công cụ lấy đường dẫn

3. Tìm tập tin thay thế ở các bộ máy tìm kiếm

4. Dùng các công cụ ghi âm và ghi hình

**2.Kỹ năng xử lý phim,ảnh**

**a. Xử lý hình ảnh:**

- Chỉnh sửa ảnh có sẵn: Cắt ảnh, đổi kích cỡ, chỉnh sửa màu sắc ảnh, sửa mắt đỏ.

- Tạo ảnh: tạo ảnh từ chụp màn hình, tạo ảnh từ PowerPoint

\* Sử dụng phần mềm ACD See

\* Sử dụng công cụ Picture trên MS. PowerPoint hoặc Word để chỉnh sửa ảnh

**b. Làm phim từ ảnh:**

***Liên kết tải phần mềm***

***\* Photo Story 3 for Windows:***

URL: http://www.microsoft.com/downloads/details.aspx?FamilyID=92755126-a008-

49b3-b3f4-6f33852af9c1&DisplayLang=en

**Câu chuyện hình ảnh**

(Nhấn vào Continue- Download Plug-in- Download Photo Story, và tiến hành chạy

Photo Story)

Giấy phép: Bản quyền © 2010 Microsoft Corporation

\* Phần mềm Windows Media Player phiên bản từ 10. trở lên (phải cài đặt trước khi

chạy phần mềm Photo Story 3):

URL: http://www.microsoft.com/windows/windowsmedia/player/10/default.aspx

Giấy phép: Microsoft Windows Media & HDCD—Logo License Agreement

**c. Xử lý phim:**

- Đổi định dạng phim

- Cắt phim

Cắt nối tập tinPhần mềm Free Fast Mpeg Cut

- Dùng để cắt tập tin định dạng MPEG

- file cài đặt: FreeFastMpegCut.exe

- website: http://www.dvdvideosoft.com

Chọn tập tin cần cắt trong mục Input File

Đổi lại tên và thư mục tập tin được cắt ra (nếu cần) trong mục Output file

. Nhấn nút Play để xem.

**MODULE THCS24 :KIỂM TRA ,ĐÁNH GIÁ TRONG DẠY HỌC**

***I/******CÁC KĨ THUẬT KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KỲ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH***

**1. Các bước xây dựng đề kiểm tra**

Bước 1.*Xác định mục đích của đề kiểm tra.*

Bước 2.*Xác định hình thức đề kiểm tra.*

* Đề kiểm tra tự luận;
* Đề kiểm tra trắc nghiệm khách quan;
* Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức trên

Bước 3. *Thiết lập ma trận đề kiểm tra .*

Lập một bảng có hai chiều, một chiều là nội dung hay mạch kiến thức, kĩ năng chính cần đánh giá, một chiều là các cấp độ nhận thức của học sinh theo các cấp độ: nhận biết, thông hiểu và vận dụng

Trong mỗi ô là chuẩn kiến thức, kĩ năng chương trình cần đánh giá, tỉ lệ % só điểm, số lượng câu hỏi và tổng sổ điểm của các câu hỏi.

Số lượng câu hỏi của từng ô phụ thuộc vào mức độ quan trọng của mỗi chuẩn cần đánh giá, lượng thời gian làm bài kiểm tra và trọng số điểm quy định cho từng mạch kiến thức, từng cấp độ nhận thức.

Bước 4. *Biên soạn câu hỏi theo ma trận.*

Bước 5.*Xây dựng hướng dẫn chấm (đáp án) và thang điểm.*

Bước 6.*Xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra.*

**2.Xác định các mục tiêu kiểm tra, đánh giá và thiết lập bảng ma trận.**

**a.Xác định yêu cầu cần đạt được của nội dung kiểm tra**

Xác định theo các cẩp độ: biết, hiểu, áp dụng, giáo viên phải căn cứ vào hệ thống các chuẩn kiến thức, kĩ năng được quy định trong chương trình của môn học để mô tả yêu cầu cần đạt theo các cấp độ của tư duy.

*Nhận biết.*Là múc độ thấp nhất, chủ yếu là ghi nhớ và nhắc lại được những gì đã được học trước đây. Động từ mô tả yêu cầu cần đạt ở cấp độ này thường bao gồm các động từ: nhận biết được, nêu được, phát biểu được, viết được, liệt kê được,...

Hiểu biết : Bao gồm cả biết nhưng ở mức độ cao hơn, đòi hỏi biết được cả ý nghĩa của tri thức, liên hệ chúng với những gì đã học, đã biết.

Vận dụng: Được dựa trên sự thông hiểu, là mức độ cao hơn so với sự thông hiểu. Khi áp dụng, cần phải cần có vào những hoàn cảnh hoặc những điều kiện cụ thể để lựa chọn, sử dụng các tri thức đã học vào việc giải quyết một vấn đề nào đỏ.

**b. Xây dựng ma trận cho đề kiểm tra**

\* *Các bước cơ bản thiết lập ma trận đề kiểm tra:*

B1. Liệt kê tên các chủ đề (nội dung, chương...) cần kiểm tra;

B2. Viết các chuẩn cần đánh giá đối với mỗi cấp độ tư duy;

B3. Quyết định phân phổi tỉ lệ % tổng điểm cho mãi chủ đề

B4. Quyết định tổng sổ điểm của bài kiểm tra;

B5. Tính số điểm cho mỗi chủ đề tương ứng với tỉ lệ %;

B6. Tính tỉ lệ %, số điểm và quyết định số câu hỏi cho mỗi chuẩn

B7. Tính tổng số điểm và tổng số câu hỏi cho mỗi cột;

B8. Tính tỉ lệ % tổng sổ điểm phân phối cho mỗi cột;

B9. Đánh giá lại ma trận và chỉnh sửa nếu thấy cần thiết.

**c. Thực hiện viết đề kiểm tra tự luận và trắc nghiệm khách quan.**

**+ Viết câu hỏi**

**+ Viết hướng dẫn chấm**

Có hai cách chấm điểm là chấm theo kiểu phân tích và chấm theo kiểu phân loại nhóm, tùy theo mục đích kiểm tra, đánh giá.

**d. Thực hành viết hệ thống câu trắc nghiệm khách quan.**

**+ Các yêu cầu đối với câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều phương án lựa chọn**

**e. Yêu cầu khi viết loại câu hỏi đúng- sai**

**+ Gợi ý cách viết cầu điền vào chỗ trống**

**+ Gợí ý để viết loại câu hỏi ghép đôi**

**f. Thực hành phân tích câu trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn.**

**+ Cách tính độ khó của câu trắc nghiệm**

Cách tính độ khó thông dụng nhất của câu trắc nghiệm là tính tỉ lệ phần trăm số người trả lời đúng câu trắc nghiệm.

Số người trả lời đứng câu i

Độ khó của câu trắc nghiệm thứ i =

Số người làm bài trắc nghiệm

,

**+ Cách tính độ phân biệt**

Có nhiều cách tính độ phân biệt của câu trắc nghiệm. Một trong những

cách tính đơn giản và thông dụng là: Lấy tỉ lệ phần trăm làm đúng câu trắc nghiệm trong nhóm điểm cao trừ đi tỉ lệ phần trăm làm đúng trong nhóm điểm thấp.

**+ Mức độ lôi cuốn vào các phương án trả lời**

Riêng đối với câu trắc nghiệm khách quan loại câu nhiều lựa chọn, ngoài hai chỉ số về độ khó và độ phân biệt, còn có một chỉ số nữa cần quan tâm phân tích, đó là mức độ lôi cuốn vào các phương án trả lời.

Trong trường hợp một phương án nhiễu có quá nhiều học sinh lựa chọn, thậm

***II. CÁC KĨ THUẬT KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ HỖ TRỢ CHO DẠY HỌC CÓ HIỆU QUẢ***

**1.Xác định mối quanhệ giữa dạy học và kiểm tra, đánh giá.**

**+ Đánh giá kết quả học tập nhằm hỗ trợ nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học:**

*Đánh giá giúp cho giáo viên thu đuợc những thông tin từ học sinh, phát hiện thực trạng kết quả học tập của họ cũng như những nguyên nhân cơ bản dẫn tới thực trạng kết quả đó.*

*Đánh giá kết quả học tập của học sinh được tiến hành tốt giúp cho họ có cơ hội để củng cố tri thức, phát triển trí tuệ. Thông qua đánh giá tạo điều kiện cho học sinh tái hiện, chính xác hoá tri thức, hoàn thiện, đào sâu, hệ thống hoá tri thức, rèn luyện kĩ năng, kĩ sảo vận dụng tri thức, phát triển năng lực tư duy sáng tạo.*

**+ Quan sát hàng ngày giúp GV thu các thông tin**

Sự tham gia của học sinh vào thảo luận;

Các câu hỏi của học sinh đưa ra;

Kĩ năng làm việc nhóm;

Độ chuẩn xác trong câu trả lời của học sinh;

Cách phản ứng của học sinh đối với bài tập, điểm kiểm tra;

Sự chú ý của học sinh; Hứng thú của học sinh...

**+ Đặt câu hỏi để thu thập thông tin:**

Sự hiểu bài của học sinh; Học sinh có thể hiện được kĩ năng không;

Sụ tiến bộ của học sinh.

**+ Vai trò của đặt câu hỏi:**

Lôi cuốn học sinh tham gia vào bài học;

Khuyến khích tư duy của học sinh;

Giúp học sinh ôn lại những nội dung quan trọng;

Điểu khiển hoạt động nhận thức của học sinh.

**2. Thực hiện kĩ thuật quan sát để điều chỉnh, hỗ trợ quá trình dạy học.**

**a.Các công cụ quan sát**

*Biểu đồ tham dự*

*Bảng kiểm tra*

*Thang đánh giá*

**b**.**Một số gợi ý khi sử dụng thang đánh giá**

Đối với thang đánh giá, cần nhận biết lĩnh vực của các đặc điểm cụ thể cần đánh giá, chỉ rõ các đặc điểm được đánh giá và các đặc điểm được sử dụng trên thang đánh giá, đánh giá dựa trên mấy yếu tố cụ thể và nó cũng cần được chia nhỏ hơn.

Đối với người đánh giá, cần phải tiến hành đánh giá một cách chính xác. Cần lựa chọn những người đánh giá một cách khách quan, không thiên vị.

Đối với cách sử dụng thang đánh giá, nên kết hợp các loại thang đánh giá. Nhìn chung, số lượng thang đánh giá và số lượng người đánh giá độc lập lớn thì độ tin cậy lớn.

Đưa ra đánh giá càng sớm càng tốt ngay sau khi quan sát.

**3. Thực hiện kĩ thuật đặt câu hỏi để điều chỉnh, hỗ trợ quá trình dạy học.**

**a. Vai trò của đặt câu hỏi trong dạy học.**

Đặt câu hỏi là phuơng pháp rất quan trọng, để điều khiển hoạt động nhận thức

**b. Một số yêu cầu vê đặt câu hỏi:**

Câu hỏi đặt ra cho học sinh để học sinh có thể trả lời được.

Câu hỏi cần ngắn gọn và rõ ràng, dễ hiểu.

Nên hạn chế việc sử dụng những câu hỏi chỉ cần trả lời “có" hoặc “không".

Đảm bảo cho học sinh có đủ thời gian để trả lời.

Nên sử dụng thêm cử chỉ, ánh mắt động tác để khuyến khích học sinh trả lời.

Cần chăm chú theo dõi câu trả lời, khi cần đặt thêm câu hỏi phụ để gợi ý, dẫn dắt học sinh trả lời, nhằm tránh lãng phí thời gian chờ đợi học sinh trả lời.

Cần có thái độ bình tĩnh khi học sinh trả lời sai hoặc thiếu chính xác; tránh nôn nóng cắt ngang câu trả lời khi không cần thiết.

Cần khích lệ học sinh mạnh dạn nêu những câu hỏi để thu hút toàn lớp tham gia thảo luận, giải quyết vấn đề.

Có thể sử dụng một số kĩ thuật thăm dò để “thâm nhập" vào tư duy của học sinh.

**MODULE THCS35 :GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH THCS**

***I.QUAN NIỆM VÀ PHÂN LOẠI KỸ NĂNG SỐNG***

**1. Khái niệm về kỹ năng sống**

- **Kỹ năng sống**( KNS) : Là khả năng điều chỉnh và lựa chọn hành vi đúng đắn, có khả năng điều chỉnh nhu cầu của bản thân một cách hợp lý và ứng phó trước những thách thức trong cuộc sống.

- Giáo dục KNS (GDKNS): Là trang bị những kiến thức, thái độ, hành động giúp cho người học hình thành được những KNS cần thiết, phù hợp với từng lứa tuổi, điều kiện kinh tế - xã hội, môi trường sống,...

**2. Phân loại KNS**

+ Kỹ năng tự nhận thức

+ Kỹ năng xác định giá trị

+ Kỹ năng kiểm soát cảm xúc

+ Kỹ năng ứng phó với căng thẳng

+ Kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ

+ Kỹ năng thể hiện sự tự tin

+ Kỹ năngGiao tiếp

+ Kỹ nănglắng nghe tích cực

+ Kỹ năngthể hiện sự cảm thông

+ Kỹ năngthương lượng

+ Kỹ nănggiải quyết mâu thuẩn

+ Kỹ nănghợp tác

+ Kỹ năngTư duy phê phán

+ Kỹ năngTư duy sáng tạo

+ Kỹ nănggiải quyết vấn đề

+ Kỹ năngKiên định

+ Kỹ năngđảm nhận trách nhiệm

+ Kỹ năngđạt mục tiêu

+ Kỹ năngQuản lý thời gian

+ Kỹ năngTìm kiếm và xử lý thông tin

***II.VAI TRÒ VÀ MỤC TIÊU GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO HS***

***1.Vai trò***

***a)- Kĩ năng sống thúc đẩy sự phát triển cá nhân và xã hội*:**

*Không những thúc đẩy sự phát triển cá nhân, KNS còn góp phần thúc đẩy sự phát triển của XH, giúp ngăn ngừa các vấn đề xã hội và bảo vệ quyền con ng­ười.*

***b)- Giáo dục kĩ năng sống là yêu cầu cấp thiết đối với thế hệ trẻ***

- Các em chính là những chủ nhân tương lai của đất nước, là những người sẽ quyết định sự phát triển của đất nước trong những năm tới.

- Lứa tuổi HS là lứa tuổi đang hình thành những giá trị nhân cách, giàu ước mơ, ham hiểu biết, thích tìm tòi, khám phá song còn thiếu hiểu biết sâu sắc về XH, còn thiếu kinh nghiệm sống, dễ bị lôi kéo, kích động .

*Vì vậy, việc giáo dục KNS cho thế hệ trẻ là rất cần thiết, giúp các em rèn luyện hành vi có trách nhiệm đối với bản thân, gia đình, cộng đồng và Tổ quốc; giúp các em có khả năng ứng phó tích cực trước các tình huống của cuộc sống, xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với gia đình, bạn bè và mọi người, sống tích cực, chủ động, an toàn, hài hòa và lành mạnh.*

***c)- Giáo dục kĩ năng sống nhằm thực hiện yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông***

* Giáo dục KNS cho HS, với bản chất là hình thành và phát triển cho các em khả năng làm chủ bản thân, khả năng ứng xử phù hợp với những người khác và với xã hội, khả năng ứng phó tích cực trước các tình huống của cuộc sống - rõ ràng là phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông, nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục phổ thông.
* Phương pháp giáo dục KNS, với các phương pháp và kĩ thuật tích cực như: hoạt động nhóm, giải quyết vấn đề, nghiên cứu trường hợp điển hình, đóng vai, trò chơi, dự án, tranh luận, động não, hỏi chuyên gia, viết tích cực,... cũng là phù hợp với định hướng về đổi mới phương pháp dạy học ở trường phổ thông.

***d)- Giáo dục kĩ năng sống cho học sinh trong các nhà trường phổ thông là xu thế chung của nhiều nước trên thế giới:***

. Việc giáo dục KNS cho HS ở các nước được thực hiện theo ba hình thức:

- KNS là một môn học riêng biệt,

- KNS được tích hợp vào một vài môn học chính,

- KNS được tích hợp vào nhiều hoặc tất cả các môn học trong chương trình.

**2.Mục tiêu**

Việc GD KNS cho HS THCS nhằm hướng tới 3 mục tiêu chính như sau:

1. *Giúp cho HS làm chủ bản thân, có khả năng thích ứng, biết cách ứng phó trước những tình huống khó khăn trong giao tiếp hàng ngày:*
2. *Giúp HS rèn cách sống có trách nhiệm với bản thân , gia đình, cộng đồng.*
3. *Giúp HS mở ra cơ hội, hướng suy nghĩ tích cực và tự tin , tự quyết định lựa chọn đúng đắn*

***III.NHỮNG KỸ NĂNG SỐNG CẦN GIÁO DỤC CHO HS THCS***

***1.Các KNS***

*- Kĩ năng Tự nhận thức:*

*- Kĩ năng Giao tiếp:*.

*- Kĩ năng Lắng nghe tích cực*

*-Kĩ năng Xác định giá trị:*

*- Kĩ năng Kiên định:*

*- Kĩ năng Ra quyết định:*

*- Kĩ năng Hợp tác*

*- Kĩ năng Ứng phó với căng thẳng*

*- Kĩ năng Tìm kiếm sự hổ trợ:*

*- Kĩ năng Thể hiện sự tự tin:*

*- Kĩ năng Thể hiện sự cảm thông****:***

**2.Các nguyên tắc khi Giáo dục KNS cho HS THCS là:**

***a- Tương tác:*** *KNS không thể được hình thành chỉ qua việc nghe giảng và tự đọc tài liệu mà phải thông qua các hoạt động tương tác với người khác*.

***b- Trải nghiệm:*** *Kĩ năng sống chỉ được hình thành khi người học được trải nghiệm qua các tình huống thực tế*

***c-Tiến trình:*** *Giáo dục KNS không thể hình thành trong “ngày một, ngày hai” mà đòi hỏi phải có cả quá trình: nhận thức - hình thành thái độ - thay đổi hành vi.*

***d- Thay đổi hành vi:*** *Mục đích cao nhất của GD KNS là giúp người học thay đổi hành vi theo hướng tích cực. GD KNS thúc đẩy người học thay đổi hay định hướng lại các giá trị , thái độ và hành động của mình*.

***e- Thời gian - môi trường giáo dục:*** *Giáo dục KNS cần thực hiện ở mọi nơi, mọi lúc và thực hiện càng sớm càng tốt đối với trẻ em. Môi trường giáo dục được tổ chức nhằm tạo cơ hội cho HS áp dụng kiến thức và kĩ năng vào các tình huống “”thực” trong cuộc sống.*

**3. Nội dung cơ bản của từng KNS**

*a- Kĩ năng Tự nhận thức:*

*b- Kĩ năng Giao tiếp*

*c- Kĩ năng Lắng nghe tích cực*

*d- Kĩ năng Xác định giá trị:*

*e- Kĩ năng Kiên định:*

*f- Kĩ năng Ra quyết định*

*g- Kĩ năng Hợp tác*

*h- Kĩ năng Ứng phó với căng thẳng:*

*i- Kĩ năng Tìm kiếm sự hỗ trợ*

*j- Kĩ năng Thể hiện sự tự tin:*

*k- Kĩ năng Thể hiện sự cảm thông****:***

IV. **PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC KNS CHO HS THCS QUA CÁC MÔN HỌC VÀ GIÁO DỤC**

***1). Phương pháp dạy học là gì?***

*PPDH được hiểu là cách thức, là con đường hoạt động chung giữa GV và HS, trong những điều kiện dạy học xác định, nhằm đạt tới mục đích dạy học.*

***PPDH có ba bình diện***:

- **Bình diện vĩ mô** là *quan điểm về PPDH .*

- **Bình diện trung gian** là *PPDH cụ thể*.

- **Bình diện vi mô** là *Kĩ thuật dạy học* (KTDH).

**2. Một số phương pháp dạy học tích cực:**

**2.1)- Phương pháp dạy học nhóm:**

***\* Bản chất***

***\* Quy trình thực hiện***

Tiến trình dạy học nhóm có thể được chia thành 3 giai đoạn cơ bản:

*a. Làm việc toàn lớp* : Nhập đề và giao nhiệm vụ

- Giới thiệu chủ đề

- Xác định nhiệm vụ các nhóm

- Thành lập nhóm

*b. Làm việc nhóm*

- Chuẩn bị chỗ làm việc

- Lập kế hoạch làm việc

- Thoả thuận quy tắc làm việc

- Tiến hành giải quyết các nhiệm vụ

- Chuẩn bị báo cáo kết quả.

*c. Làm việc toàn lớp*: Trình bày kết quả, đánh giá

- Các nhóm trình bày kết quả

- Đánh giá kết quả.

**2.2)- Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình:**

***\* Bản chất***

***\* Quy trình thực hiện***

Các bước nghiên cứu trường hợp điển hình có thể là:

- HS đọc (hoặc xem, hoặc nghe) về trường hợp điển hình

- Suy nghĩ về nó (có thể viết một vài suy nghĩ trước khi thảo luận điều đó với người khác).

- Thảo luận về trường hợp điển hình theo các câu hỏi hướng dẫn của GV.

**2.3)- Phương pháp giải quyết vấn đề:**

\* ***Bản chất***

***\* Quy trình thực hiện***

- Xác định, nhận dạng vấn đề/tình huống;

- Thu thập thông tin có liên quan đến vấn đề/tình huống đặt ra;

- Liệt kê các cách giải quyết có thể có ;

- Phân tích, đánh giá kết quả mỗi cách giải quyết ( tích cực, hạn chế, cảm xúc, giá trị) ;

- So sánh kết quả các cách giải quyết ;

- Lựa chọn cách giải quyết tối ưu nhất;

- Thực hiện theo cách giải quyết đã lựa chọn;

- Rút kinh nghiệm cho việc giải quyết những vấn đề, tình huống khác.

**2.4). Phương pháp đóng vai:**

***\*Bản chất***

\* ***Quy trình thực hiện***

Có thể tiến hành đóng vai theo các bước sau :

- Giáo viên nêu chủ đề, chia nhóm và giao tình huống, yêu cầu đóng vai cho từng nhóm. Trong đó có quy định rõ thời gian chuẩn bị, thời gian đóng vai của mỗi nhóm.

- Các nhóm thảo luận chuẩn bị đóng vai.

- Các nhóm lên đóng vai.

- Lớp thảo luận, nhận xét về cách ứng xử và cảm xúc của các vai diễn; về ý nghĩa của các cách ứng xử.

- GV kết luận, định hướng cho HS về cách ứng xử tích cực trong tình huống đã cho.

**2.5). Phương pháp trò chơi:**

**\* *Bản chất***

***\*Quy trình thực hiện***

- GV phổ biến tên trò chơi, nội dung và luật chơi cho HS

- Chơi thử ( nếu cần thiết)

- HS tiến hành chơi

- Đánh giá sau trò chơi

- Thảo luận về ý nghĩa giáo dục của trò chơi

**2.6)- Dạy học theo dự án (** Phương pháp dự án**):**

***\* Bản chất***

***\* Quy trình thực hiện***

- *Bước 1*: Lập kế hoạch

+ Lựa chọn chủ đề

+ Xây dựng tiểu chủ đề

+ Lập kế hoạch các nhiệm vụ học tập

*- Bước 2*: Thực hiện dự án

+ Thu thập thông tin

+ Thực hiện điều tra

+ Thảo luận với các thành viên khác

+ Tham vấn giáo viên hướng dẫn

*- Bước 3*: Tổng hợp kết quả

+ Tổng hợp các kết quả

+ Xây dựng sản phẩm

+ Trình bày kết quả

+ Phản ánh lại quá trình học tập

**3.Một số kĩ thuật dạy học tích cực**

**3.1. Kĩ thuật chia nhóm:**

Khi tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm, GV nên sử dụng nhiều cách chia nhóm khác nhau để gây hứng thú cho HS, đồng thời tạo cơ hội cho các em được học hỏi, giao lưu với nhiều bạn khác nhau trong lớp. Dưới đây là một số cách chia nhóm:

\* Chia nhóm theo số điểm danh, theo các màu sắc, theo các loài hoa, các mùa trong năm,…:

\* Chia nhóm theo hình ghép

\* Chia nhóm theo sở thích

\* Chia nhóm theo tháng sinh: Các HS có cùng tháng sinh sẽ làm thành một nhóm.

Ngoài ra còn có nhiều cách chia nhóm khác như: nhóm cùng trình độ, nhóm hỗn hợp, nhóm theo giới tính,....

**3.2. Kĩ thuật giao nhiệm vụ:**

- Giao nhiệm vụ phải cụ thể, rõ ràng:

- Nhiệm vụ phải phù hợp với: mục tiêu hoạt động, trình độ HS, thời gian, không gian hoạt động và cơ sở vật chất, trang thiết bị

**3. Kĩ thuật đặt câu hỏi:**

Khi đặt câu hỏi cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Câu hỏi phải liên quan đến việc thực hiện mục tiêu bài học

- Ngắn gọn, rị ràng, dễ hiểu

- Đúng lúc, đúng chỗ

- Phù hợp với trình độ HS

- Kích thích suy nghĩ của HS

- Phù hợp với thời gian thực tế

- Sắp xếp thep trình tự từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp.

- Không ghép nhiều câu hỏi thành một câu hỏi móc xính

- Không hỏi nhiều vấn đề cùng một lúc

**3.4. Kĩ thuật khăn trải bàn:**

- HS được chia thành các nhóm nhỏ từ 4 đến 6 người. Mỗi nhóm sẽ có một tờ giấy A0 đặt trên bàn, như là một chiếc khăn trải bàn.

- Chia giấy A0 thành phần chính giữa và phần xung quanh, tiếp tục chia phần xung quanh thành 4 hoặc 6 phần tuỳ theo số thành viên của nhóm ( 4 hoặc 6 người.)

- Mỗi thành viên sẽ suy nghĩ và viết các ý tưởng của mình ( về một vấn đề nào đó mà GV yêu cầu) vào phần cạnh “khăn trải bàn” trước mặt mình. Sau đó thảo luận nhóm, tìm ra những ý tưởng chung và viết vào phần chính giữa “khăn trải bàn”

**3.5. Kĩ thuật phòng tranh :**

Kĩ thuật này có thể sử dụng cho hoạt động cá nhân hoặc hoạt động nhóm.

- GV nêu câu hỏi/ vấn đề cho cả lớp hoặc cho các nhóm.

- Mỗi thành viên ( hoạt động cá nhân) hoặc các nhóm (hoạt động nhóm) phác hoạ những ý tưởng về cách giải quyết vấn đề trên một tờ bìa và dán lên tường xung quanh lớp học như một triển lãm tranh.

- HS cả lớp đi xem “ triển lãm’’và có thể có ý kiến bình luận hoặc bổ sung.

- Cuối cùng, tất cả các ph­ương án giải quyết được tập hợp lại và tìm ph­ương án tối ­ưu.

**3.6. Kĩ thuật công đoạn:**

- HS được chia thành các nhóm, mỗi nhóm được giao giải quyết một nhiệm vụ khác nhau.

- Sau khi các nhóm thảo luận và ghi kết quả thảo luận vào giấy A0 xong, các nhóm sẽ luân chuyển giáy AO ghi kết quả thảo luận cho nhau.

- Các nhóm đọc và góp ý kiến bổ sung cho nhóm bạn. Sau đó lại tiếp tục luân chuyển kết quả cho nhóm tiếp theo và nhận tiếp kết quả từ một nhóm khác để góp ý.

- Cứ như vậy cho đến khi các nhóm đã nhận lại được tờ giấy A0 của nhóm mình cùng với các ý kiến góp ý của các nhóm khác. Từng nhóm sẽ xem và xử lí các ý kiến của các bạn để hoàn thiện lại kết quả thảo luận của nhóm . Sau khi hoàn thiện xong, nhóm sẽ treo kết quả thảo luận lên tường lớp học.

**3.7. Kĩ thuật các mảnh ghép:**

**-** HSđược phân thành các nhóm, sau đó GV phân công cho mỗi nhóm thảo luận, tìm hiểu sâu về một vấn đề của bài học. Chẳng hạn: nhóm 1- thảo luận vấn đề A, nhóm 2- thảo luận vấn đề B, nhóm 3- thảo luận vấn đề C, nhóm 4- thảo luận thảo luận vấn đề D,….

- HS thảo luận nhóm về vấn đề đã được phân công

- Sau đó, mỗi thành viên của các nhóm này sẽ tập hợp lại thành các nhóm mới, như vậy trong mỗi nhóm mới sẽ có đủ các “chuyên gia” về vấn đề A, B, C, D,...và mỗi “ chuyên gia” về từng vấn đề sẽ có trách nhiệm trao đổi lại với cả nhóm về vấn đề mà em đã có cơ hội tìm hiểu sâu ở nhóm cũ.

**3.8. Kĩ thuật động não:**

*Động não có thể tiến hành theo các bước sau* :

- Giáo viên nêu câu hỏi hoặc vấn đề ( có nhiều cách trả lời) cần được tìm hiểu trước cả lớp hoặc trước nhóm.

- Khích lệ HS phát biểu và đóng góp ý kiến càng nhiều càng tốt.

- Liệt kê tất cả mọi ý kiến lên bảng hoặc giấy to không loại trừ một ý kiến nào, trừ trường hợp trùng lặp.

- Phân loại các ý kiến.

- Làm sáng tỏ những ý kiến chưa rõ ràng

- Tổng hợp ý kiến của HS và rút ra kết luận.

**3.9. Kĩ thuật “ Trình bày một phút”:**

Kĩ thuật này có thể tiến hành như sau:

- Cuối tiết học (thậm chí giữa tiết học), GV yêu cầu HS suy nghĩ, trả lời các câu hỏi sau: Điều quan trọng nhất các em học đuợc hôm nay là gì? Theo các em, vấn đề gì là quan trọng nhất mà chưa được giải đáp?...

- HS suy nghĩ và viết ra giấy. Các câu hỏi của HS có thể dưới nhiều hình thức khác nhau.

- Mỗi HS trình bày trước lớp trong thời gian 1 phút về những điều các em đã học được và những câu hỏi các em muốn được giải đáp hay những vấn đề các em muốn được tiếp tục tìm hiểu thêm.

**3.10. Kĩ thuật “Chúng em biết 3”:**

- GV nêu chủ đề cần thảo luận.

- Chia HS thành các nhóm 3 người và yêu cầu HS thảo luận trong vòng 10 phút về những gì mà các em biết về chủ đề này.

- HS thảo luận nhóm và chọn ra 3 điểm quan trọng nhất để trình bày với cả lớp.

- Mỗi nhóm sẽ cử một đại diện lên trình bày về cả 3 điểm nói trên.

**3.11. Kĩ thuật “ Hỏi và trả lời”:**

Kĩ thuật này có thể tiến hành như sau:

- GV nêu chủ đề .

- GV (hoặc 1 HS) sẽ bắt đầu đặt một câu hỏi về chủ đề và yêu cầu một HS khác

trả lời câu hỏi đó.

- HS vừa trả lời xong câu hỏi đầu tiên lại được đặt tiếp một câu hỏi nữa và yêu cầu một HS khác trả lời.

- HS này sẽ tiếp tục quá trình trả lời và đặt câu hỏi cho các bạn cùng lớp,... Cứ như vậy cho đến khi GV quyết định dừng hoạt động này lại.

**3.12. Kĩ thuật “Hỏi Chuyên gia”:**

- HS xung phong (hoặc theo sự phân công của GV) tạo thành các nhóm “chuyên gia” về một chủ đề nhất định.

- Các “chuyên gia” nghiên cứu và thảo luận với nhau về những tư liệu có liên quan đến chủ đề mình được phân công.

- Nhóm “chuyên gia” lên ngồi phía trên lớp học

- Một em trưởng nhóm “chuyên gia” (hoặc GV) sẽ điều khiển buổi “tư vấn”, mời các bạn HS trong lớp đặt câu hỏi rồi mời “chuyên gia” giải đáp, trả lời.

**3.13. Kĩ thuật “Lược đồ Tư duy”:**

- Viết tân chủ đề/ ý tưởng chính ở trung tâm.

- Từ chủ đề/ ý tưởng chính ở trung tâm, vẽ các nhánh chính, trên mỗi nhánh chính viết một nội dung lớn của chủ đề hoặc các ý tưởng có liên quan xoay quanh ý tưởng trung tâm nói trên.

- Từ mỗi nhánh chính vẽ tiếp các nhánh phụ để viết tiếp những nội dung thuộc nhánh chính đó.

- Tiếp tục như vậy ở các tầng phụ tiếp theo.

**3.14. Kĩ thuật “Hoàn tất một nhiệm vụ”:**

- GV đưa ra một câu chuyện/một vấn đề/một bức tranh/một thông điệp/... mới chỉ được giải quyết một phần và yêu cầu HS/nhóm HS hoàn tất nốt phần còn lại.

- HS/nhóm HS thực hiện nhiệm vụ được giao.

- HS/ nhóm HS trình bày sản phẩm.

- GV hướng dẫn cả lớp cùng bình luận, đánh giá

***3.*15. Kĩ thuật “Viết tích cực”:**

- Trong quá trình thuyết trình, GV đặt câu hỏi và dành thời gian cho HS tự do viết câu trả lời. GV cũng có thể yêu cầu HS liệt kê ngắn gọn những gì các em biết về chủ đề đang học trong khoảng thời gian nhất định.

- GV yêu cầu một vài HS chia sẻ nội dung mà các em đã viết trước lớp.

**3.16. Kĩ thuật “đọc hợp tác” (còn gọi là đọc tích cực):**

- GV nêu câu hỏi/yêu cầu định hướng HS đọc bài/phần đọc.

- HS làm việc cá nhân:

+ Đoán trước khi đọc: Để làm việc này, HS cần đọc lướt qua bài đọc/phần đọc để tìm ra những gợi ý từ hình ảnh, tựa đề, từ/cụm từ quan trọng.

+ Đọc và đoán nội dung : HS đọc bài/phần đọc và biết liên tưởng tới những gì mình đã biết và đoán nội dung khi đọc những từ hay khái niệm mà các em phải tìm ra.

+ Tìm ý chính: HS tìm ra ý chính của bài/phần đọc qua việc tập trung vào các ý quan trọng theo cách hiểu của mình.

+ Tóm tắt ý chính.

- HS chia sẻ kết quả đọc của mình theo nhóm 2, hoặc 4 và giải thích cho nhau thắc mắc (nếu có), thống nhất với nhau ý chính của bài/phần đọc đọc.

- HS nêu câu hỏi để GV giải đáp (nếu có).

**3.17. Kĩ thuật “Nói cách khác”:**

- GV chia HS thành các nhóm, yêu cầu các nhóm hãy liệt kê ra giấy khổ lớn 10 điều không hay mà thỉnh thoảng người ta vẫn nói về một ai đó/việc gì đó.

- Tiếp theo, yêu cầu các nhóm hãy tìm 10 cách hay hơn để diễn đạt cùng những ý nghĩa đó và tiếp tục ghi ra giấy khổ lớn.

- Các nhóm trình bày kết quả và cùng nhau thảo luận về ý nghĩa của việc thay đổi cách nói theo hướng tích cực.

**3.18. Phân tích phim Video:**

- Trước khi cho HS xem phim, hãy nêu một số câu hỏi thảo luận hoặc liệt kê các ý mà các em cần tập trung. Làm như vây sẽ giúp các em chú ý tốt hơn.

- HS xem phim

- Sau khi xem phim video, yêu cầu HS làm việc một mình hoặc theo cặp và trả lời các câu hỏi hoặc viết tóm tắt những ý cơ bản về nội dung phim đã xem.

**3.19. Tóm tắt nội dung tài liệu theo nhóm :**

- HS làm việc theo nhóm nhỏ, đọc to tài liệu được phát, thảo luận về ý nghĩa của nó, chuẩn bị trả lời các câu hỏi về bài đọc.

- Đại diện nhóm trình bày các ý chính cho cả lớp.

- Sau đó, các thành viên trong nhóm lần lượt trả lời các câu hỏi của các bạn khác trong lớp về bài đọc